

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm
giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn
và hàng năm giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 32**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

*Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh
Quảng Trị năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy
định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh
vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn
2021-2025 của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm
giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế
- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh, cụ thể:

- Tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của cấp huyện đã được giao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách cấp tỉnh đối với nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí;

- Tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của cấp huyện đã được giao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp tỉnh đối với nguồn vốn sử dụng đất;

- Chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và vượt thu xỏ số kiến thiết năm 2024 đối với các nhiệm vụ được tinh cân đối hỗ trợ huyện (Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ các huyện Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó).

(Chi tiết như 03 hệ thống phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao chi tiết, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; chủ động xử lý các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đối với kế hoạch tại Điều 1 Nghị quyết này theo quy định tại mục b, khoản 4 Điều 7 Nghị định 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND; UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; KBNN Khu vực XI;
- Lưu: VT, P.CTHĐND (L).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



Biểu số I

TỔNG HỢP NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch 2021-2025 HĐND tỉnh giao							Kế hoạch 2021-2025 cấp huyện giao	Kế hoạch 2021-2024 cấp huyện phân bổ	Kế hoạch 2025 cấp huyện giao		KH 2024 cấp huyện kéo dài sang 2025		Ghi chú
		Giao đầu kỳ	Phân bổ hàng năm	Trong đó							Số vốn	Số dự án, nhiệm vụ	Số vốn	Số dự án, nhiệm vụ	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025							
	TỔNG CỘNG	392.792	362.186	45.716	86.075	90.183	62.900	77.312	392.792	284.874	77.312	135	10.206,479	17	
1	Thành phố Đông Hà	32.187	29.678	3.746	7.053	7.390	5.154	6.335	32.187	23.343	6.335	1	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.1
2	Thị xã Quảng Trị	27.501	25.359	3.202	6.026	6.314	4.404	5.413	27.501	19.946	5.413	11	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.2
3	Huyện Vĩnh Linh	44.287	40.837	5.154	9.706	10.168	7.092	8.717	44.287	32.120	8.717	38	3.875,484	4	Chi tiết danh mục như biểu số I.3
4	Huyện Gio Linh	43.477	40.088	5.060	9.527	9.982	6.962	8.557	43.477	31.531	8.557	6	112,034	6	Chi tiết danh mục như biểu số I.4
5	Huyện Hải Lăng	41.684	38.435	4.851	9.134	9.570	6.675	8.205	41.684	30.230	8.205	25	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.5
6	Huyện Triệu Phong	43.262	39.893	5.035	9.480	9.934	6.929	8.515	43.262	31.378	8.515	12	390,000	1	Chi tiết danh mục như biểu số I.6
7	Huyện Hướng Hóa	56.310	51.923	6.555	12.340	12.928	9.017	11.083	56.310	40.840	11.083	20	308,989	2	Chi tiết danh mục như biểu số I.7
8	Huyện Đakrông	48.156	44.403	5.605	10.553	11.056	7.711	9.478	48.156	34.925	9.478	10	5.519,972	4	Chi tiết danh mục như biểu số I.8
9	Huyện Cam Lộ	37.275	34.370	4.338	8.168	8.558	5.969	7.337	37.275	27.033	7.337	10	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.9
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	18.653	17.200	2.170	4.088	4.283	2.987	3.672	18.653	13.528	3.672	2	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.10

THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Biểu số I.1

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
	TỔNG CỘNG		227.000	227.000	32.187	23.343	6.335	-
	Dự án hoàn thành năm 2025							
1	Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà	622/QĐ-UBND 11/3/2025	227.000	227.000	32.187	23.343	6.335	- Hoàn thành quyết toán trước khi sắp xếp

THỊ XÃ QUẢNG TRỊ



Biểu số L.2

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
	TỔNG CỘNG		72.369	58.669	11.111	5.698	5.413	
1	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh, HM: Nhà học bộ môn và Nhà đa năng	1314/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.400	2.400	700		700	Hoàn thành
2	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị, hạng mục: Phòng tổ chuyên môn và Hội trường	987/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	3.700	1.000	300		300	Hoàn thành
3	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn, hạng mục: Xây mới dãy nhà học 3 tầng	986/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	9.600	5.600	1.751		1.751	Hoàn thành
4	Trung tâm hành chính thị xã (GĐ 1); Hạng mục: Nhà làm việc 5 tầng	1407/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	24.511	24.511	1.982	1.300	682	Dừng kỹ thuật
5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	523/QĐ-UBND ngày 20/05/2022	9.600	6.600	650		650	Hoàn thành
6	Hệ thống thu gom nước thải thị xã Quảng Trị - Tuyến cấp 2	269/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	12.000	12.000	495		495	Hoàn thành sau năm 2025
7	Bê tông giai thông nội phường		2.500	2.500	1.746	1.671		

4

(Signature)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	Bê tông hóa giao thông nội Phường 2	660/QĐ-UBND ngày 30/05/2025					14		Hoàn thành
	Bê tông hóa giao thông nội Phường 3	594/QĐ-UBND ngày 19/05/2025					61		Hoàn thành
8	Điện chiếu sáng hẻm kiệt		4.058	4.058	2.387	2.127			
	Điện chiếu sáng hẻm, kiệt Phường 3	550/QĐ-UBND ngày 12/05/2025					58		Hoàn thành
	Điện chiếu sáng thôn, xóm xã Hải Lệ	549/QĐ-UBND ngày 12/05/2025					202		Hoàn thành
9	Vốn ủy thác ngân hàng CSXH	1560/QĐ-UBND ngày 22/12/2024			1.100	600	500		

HUYỆN VĨNH LINH



Biểu số I.3

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
	TỔNG CỘNG		117.666	20.976	26.577	17.860	8.717	3.875,484
1	Cầu Trạm xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh	5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.500	150	150	-	150	Hoàn thành
2	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Khoa chuẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	4498/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	18.605	150	150	-	150	Hoàn thành
3	Đường bê tông nối trục đường Ả Rập, thị trấn Bến Quan	4126/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.013	181	181	-	181	Hoàn thành
4	Đường bê tông khóm 4 giao đường Ả Rập, thị trấn Bến Quan	4128/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	807	159	159	-	159	Hoàn thành
5	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thị trấn Hồ Xá. HM: Thay nền, chống thấm mái và quét vôi màu nhà 2 tầng, 8 phòng học	4115/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	550	110	110	-	110	Hoàn thành
6	Bê tông hóa các trục đường liên thôn xã Vĩnh Hòa	2201/QĐ-UBND 10/8/2023	988	188	188	-	188	Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số						Trong đó: cấp huyện cân đối
7	Đường bê tông xóm Hữu Nghị thuộc khóm 3, thị trấn Bến Quan	4127/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	500	100	100	-	100	Hoàn thành	
8	Đường Trung Nam huyện Vĩnh Linh	5007/QĐ-UBND 31/12/2023	4.000	200	200	-	200	Hoàn thành	
9	Trường Tiểu học xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Xây dựng nhà 3 phòng học	286/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	1.900	150	150	-	150	Hoàn thành	
10	Trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 8 phòng học bộ môn	118/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	5.800	150	150	-	150	Hoàn thành	
11	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Thủy	4116/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.325	568	568	-	568	Hoàn thành	
12	Công trình cấp nước tập trung tại xóm 6, thôn Mít, xã Vĩnh Ô	4117/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900	180	180	-	180	Hoàn thành	
13	Công trình cấp nước tập trung tại xóm 8, thôn Mít, xã Vĩnh Ô	4119/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900	180	180	-	180	Hoàn thành	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số						Trong đó: cấp huyện cân đối
14	Đường giao thông nông thôn thôn Di Loan, xã Vĩnh Giang	4122/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.000	200	200	-	200	Hoàn thành	
15	Xây mới nhà văn hóa thôn Tứ Chính, xã Vĩnh Tú	4123/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.700	300	300	-	300	Hoàn thành	
16	Nhà văn hóa khóm 3 thị trấn Bến Quan	4124/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.700	250	250	-	250	Hoàn thành	
17	Nhà văn hóa khóm 2 thị trấn Bến Quan	4125/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.200	150	150	-	150	Hoàn thành	
18	Đường bê tông vào khóm 5, thị trấn Bến Quan	4129/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	750	150	150	-	150	Hoàn thành	
19	Xây mới nhà văn hóa khu phố An Du Đông 1, thị trấn Cửa Tùng	4130/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.500	240	240	-	240	Hoàn thành	
20	Nhà Văn hóa An Đức 3, thị trấn Cửa Tùng	4131/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900	140	140	-	140	Hoàn thành	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số						Trong đó: cấp huyện cân đối
21	Nâng cấp đường giao thông hai bên chợ Do thị trấn Cửa tùng	4132/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.000	400	400	-	400	Hoàn thành	
22	Trường THCS Lê Quý Đôn, thị trấn Hồ Xá. HM: 01 phòng thư viên, 01 phòng truyền thông	4133/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.350	200	200	-	200	Hoàn thành	
23	Trường mầm non Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; HM: Xây mới bếp ăn bán trú, sân chơi Bàn 8	4106/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700	45	45	-	45	Hoàn thành	
24	Trường PTDTBT tiểu học xã Vĩnh Ô. HM: Sân tập học sinh	4107/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	800	160	160	-	160	Hoàn thành	
25	Trường Mầm non Hiền Thành, xã Hiền Thành. HM: Cải tạo nhà 2 phòng học và rạp ăn, xây nhà xe (cụm Liêm Công Đông); Sơn dây phòng học (cụm Tân An).	4108/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	400	80	80	-	80	Hoàn thành	
26	Trường Mầm non Cửa Tùng. HM: Cải tạo sân khấu ngoài trời	4110/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	300	60	60	-	60	Hoàn thành	
27	Trường tiểu học Kim Đồng, thị trấn Hồ Xá. HM: Sân khấu ngoài trời	4114/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700	140	140	-	140	Hoàn thành	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
28	Trường THCS Cửa Tùng; HM: Nhà vệ sinh (800 học sinh); quét vôi màu nhà 3 tầng 15 phòng học và nhà 2 tầng	4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	750	150	150	-	150	Hoàn thành
29	Trường tiểu học Cửa Tùng; HM: Nhà thường trực (điểm trường khu phố Trung Nam); lợp mái nhà 2 phòng học (điểm trường cơ sở 2);	4111/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	400	80	80	-	80	Hoàn thành
30	Trường Mầm non Quyết Thắng, thị trấn Bến Quan; HM: Nhà thường trực, nhà vệ sinh, nhà kho, hàng rào dây thép gai	4112/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	600	120	120	-	120	Hoàn thành
31	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Long; Hạng mục: Nhà đa năng	2508/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.000	3.162	3.162	2.340	822	Hoàn thành
32	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà ở dành cho bác sĩ diện thu hút	4052/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.817	200	200	-	200	Hoàn thành
33	Đường trung tâm xã Vĩnh Sơn đi thôn Nam Sơn	2179/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	6.805	31	31	-	31	Hoàn thành
34	Trường MN Vĩnh Hòa (Điểm trường trung tâm Thôn Hòa Bình); HM: Nhà 2 tầng 8 phòng học	3352/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.400	600	600	-	600	Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
35	Trường tiểu học Vĩnh Giang, HM: 6 phòng chức năng	3681/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	4.500	900	900	-	900		Hoàn thành
36	Trường tiểu học Vĩnh Thái, HM: sân trường, nhà vệ sinh	1655/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	360	360	360	-	360		Hoàn thành
37	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 574 đến khu dân cư Hòa Lý 2, TT cửa tùng	2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	2.500	602	602	302	300		Hoàn thành
38	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Hệ thống sân vườn và hạng mục phụ trợ	2744/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	14.500	1.174	1.174	1.000	174		Hoàn thành
39	Đường bê tông nội thôn khu phố An Đức 1, An Du Đông 1, An Du Nam, Trung Nam, Bắc Bản và Khu phố Cát, thị trấn Cửa Tùng	2453/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.150	1.150	1150	1150		5,542	
40	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Linh; HM:CT, SC nhà đặt lễ, nhà chuông, tượng đài, cổng chính, cổng phụ, tường rào mặt trước và hệ thống điện chiếu sáng từ nhà quản trang ra tượng đài	2423/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	700	700	700	700		3,215	
41	Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy tại 9 điểm trường học trên địa bàn huyện Vĩnh Linh	4291/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	6.184	6.184	6.184	6.184		3.864	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
42	Trang trí các trụ sở Huyện ủy, HĐND - UBND và UBMTTQVN và nghĩa trang liệt sỹ huyện Vĩnh Linh	4074/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 822/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	5.213	583	6.184	6.184	2,727	



HUYỆN GIO LINH



Biểu số I.4

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
 (Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		139.392	62.431	19.115	10.374	8.557	112,034	
1	Đường bê tông khu phố 3, thị trấn Gio Linh	760/QĐ-UBND ngày 04/03/2025	490	490	490	0	490		Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT trước 01/7/2025
2	Nhà Văn hóa huyện Gio Linh	3625/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 4499/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; 370/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	41.921	26.921	11.124,780	5.345,535	5.779,245		Hoàn thành
3	Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh	1905/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 1818/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	80.761	30.300	4.312,137	2.312,137	2.000		Hoàn thành sau 2025 Dự án tỉnh phê duyệt
4	Trường mầm non Gio An-Cụm trung tâm ; Hạng mục: Xây mới nhà 01 tầng	1334/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.400	150	150	0	150		Hoàn thành
5	Sửa chữa dây nhà làm việc, sân, bồn hoa điểm trung tâm trường tiểu học Linh Trường	1504/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	770	70	70	0	57,203		Đối ứng CTMTQG; Hoàn thành, chưa QTDAHT
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bến Tắt	1422/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	1.100	100	100	0	80,552		Đối ứng CTMTQG; Hoàn thành, chưa QTDAHT

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
7	Sửa chữa hệ thống mái trụ sở làm việc của HĐND&UBND huyện	4016/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2646/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	980	980	650	650		6,370	Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT trước 01/7/2025
8	Khu rèn luyện TDTT của HĐND và UBND huyện	4015/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2606/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.050	1.050	790	790		34,796	Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT trước 01/7/2025
9	Cộng đồng phòng tránh thiên tai trường tiểu học thị trấn Cửa Việt, Hạng mục: Nhà học bộ môn	1284/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	4.200	1.200	258,553	258,553		45,662	Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT
10	Trường mầm non Gio Mai; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	5307/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 3238/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	5.270	720	720	574,648		14,941	Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT trước 01/7/2025
11	Trường TH & THCS Gio Quang; hạng mục: Xây mới 01 phòng học, 01 phòng học tiếng Anh	4635/QĐ-UBND ngày 18/11/2023; 3238/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	1.100	100	100	93,264		7,270	Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT trước 01/7/2025
12	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Linh Trường (Nhà Mặt trận và các đoàn thể)	4201/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	350	350	350	350		2,995	Đã hoàn thành, chưa phê duyệt QTDAHT

HUYỆN HẢI LĂNG



Biểu số I.5

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
	TỔNG CỘNG		98.252	13.711	15.569	6.710	8.205	0
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy	940/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	2.900	2.900	2.900	2.850	47	Đã QT
2	Sửa chữa hội trường huyện ủy	232/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	1.150	551	551	510	41	Đã QT
3	Bố trí bổ sung vốn ủy thác cho vay qua Ngân hàng chính sách	2255/QĐ-UBND ngày 188/9/2024	1.000	1.000	1.000		1.000	
4	Xây dựng CSHT Khu đô thị phía Tây đường Võ Thị Sáu (giai đoạn 1); hạng mục: Hệ thống cấp nước sinh hoạt và cấp điện	260/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	3.500	140	140		140	
5	Kè chống sạt lở bờ sông Nhùng (đoạn qua xã Hải Thượng, xã Hải Quy và đoạn bờ sông Vĩnh Định (ĐH 49) qua xã Hải Hưng	121/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	2.600	139	139		139	
6	Khắc phục xói lở cầu An Lạc và đường hai đầu cầu xã Hải Phú, huyện Hải Lăng	760/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.063	264	264		264	
7	BTH đường giao thông nông thôn, thôn Mỹ Thủy, xã Hải An	445/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.048	3	3		3	

[Handwritten signature]

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
8	Kênh tiêu thoát nước thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	447/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.970	2	2		2		
9	KCH-GTNT thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	448/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.870	3	3		3		
10	Điện thấp sáng đường quê thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	449/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.760	3	3		3		
11	Sân thể thao xã Hải Khê	257/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	2.527	4	4		4		
12	Trung tâm văn hóa - thể thao, huyện Hải Lăng	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	37.400	4.639	4.639	2.200	2.139		
13	Nâng cấp tuyến đường huyện ĐH49B xây dựng huyện NTM	771/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	2.450	175	175		175		
14	Trường TH&THCS Hải Phú. HM: Phòng chức năng và nhà đa năng	394/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	4.900	200	200		200		
15	Trung tâm GDNN-GDTX; Hạng mục: Phòng học và phòng thực hành	542/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	2.000	500	500	200	300		
16	Trường TH&THCS Hải Chánh. HM: Phòng học, phòng chức năng và đa năng	395/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	2.400	200	200	100	100		
17	Nâng cấp các trạm Y tế xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quy, Hải Quế, Hải Định, huyện Hải Lăng	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	6.500	500	500	400	100		



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
18	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	701/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	1.033	1.033	1.033	200	833	DA dừng thực hiện
19	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Diên Sanh đến năm 2035	627/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	537	537	537	100	436	DA dừng thực hiện
20	Khu bể bơi cho trẻ xã Hải Thiện	803/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	364	95	95		95	
21	Hệ thống thoát nước mặt các tuyến đường; nâng cấp, sửa chữa tuyến đường T12 và hệ thống điện chiếu sáng cụm CN Diên Sanh	936/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	6.100	45	45		45	
22	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035	1149/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	455	205	205		205	
23	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035	1152/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	324	73	73		73	
24	Trụ sở xã Hải Ba	969/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	6.400	500	500	150	149	
25	Bố trí chuẩn bị đầu tư các dự án giai đoạn 2026-2030, đối ứng các dự án, quy hoạch, dự án quyết toán hoàn thành khác	664/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 998/QĐ-UBND ngày 26/12/2024			1.858		1.709	Chưa phân bổ chi tiết

HUYỆN TRIỆU PHONG



Biểu số I.6

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		55.527	12.622	12.405	3.890	8.515	390	-
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Ái Tử	3065/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	5.000	3.000	3.000	2.100	900		Hoàn thành GD 1
2	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	981/QĐ-UBND; 19/4/2023	10.000	2.000	1.783		1.783		Hoàn thành sau năm 2025
3	Đường ĐH 43B huyện Triệu Phong	2613/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	8.000	288	288	-	288		Hoàn thành
4	Nâng cấp đường ĐH46B (Đoạn từ ĐT.578b đến chợ Thuận)	2496/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	14.997	528	528	400	128		Hoàn thành
5	Đường ĐH 46C huyện Triệu Phong	số 614Đ-UBND ngày 10/3/2023	5.500	1.558	1.558	1.000	557,7		Hoàn thành
6	Trường mầm non Triệu Long; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	3410/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	4.500	700	700	-	700		Hoàn thành
7	Hỗ trợ vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách	2255/QĐ-UBND ngày 188/9/2024	1.000	1.000	1.000		1.000		Hoàn thành
8	Nâng cấp đường Trương Văn Hoàn thị trấn Ái Tử	1387/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	2.000	858,3	858,298		858,3		Đã quyết toán DAHT
9	Lát Vĩa hè đường vào Khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn	1589/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	1.000	1000	1000		1.000		Đã quyết toán DAHT

3

(Signature)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số						Trong đó: cấp huyện cân đối
10	Đường GTNT xã Triệu Cơ	1632/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	500	500	500		500	Hoàn thành	
11	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Lý	1568/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	800	694	694		694	Hoàn thành	
12	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Lý (GDD2)	1620/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	1.620	106	106		106	Đã quyết toán DAHT	
13	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư xã Triệu Thuận	3422/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	610	390	390	390		390	Hoàn thành



Biểu số I.7

HUYỆN HUỠNG HOA



DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÈO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
 (Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		143.214	61.345	21.899	6.241	11.083	309	
1	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)	1693/QĐ-UBND ngày 12/5/2022; 2211/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	5.959	5.959	2.037	137	1.900		Hoàn thành năm 2025
2	Nâng cấp, sửa chữa các đình kinh doanh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Khe Sanh	3057/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1.886	1.886	1.300	300	1.000	188	Hoàn thành năm 2025
3	Đường vào trụ sở UBND xã Ba Tầng	735/QĐ-UBND 05/3/2024;	2.000	2.000	2.000	800	126		Hoàn thành năm 2025
4	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đặng Thai Mai, thị trấn Khe Sanh	1894/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	470	470	470	300	170		Hoàn thành
5	Sửa chữa cầu khe Pa Răng tại thôn Thuận 1, xã Thuận	5074/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của huyện HH	1.200	1.200	1.200	600	600		Hoàn thành
6	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đình Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (đoạn từ điểm giao với Quốc lộ 9 đến điểm giao với đường Bùi Dục Tài)	2092/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	853	853	853	600	253		Hoàn thành

(Signature)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
7	Nhà văn hóa xã Tân Long	3679/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	2.200	1.215	1.215	500	500		
8	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Liên	1439/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.325	3.325	800	0	800		Hoàn thành năm 2025
9	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Lập	1440/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.168	3.168	843	0	843		hoàn thành
10	Đường giao thông Kiệt Đình Tiên Hoàng - hộ Bà Lài (Khối 3) - TT Khe Sanh	1689/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	700	700	700		700		
11	Đường giao thông Kiệt Trần Cao Vân - hộ Ông Sơn (Khối 4) - TT Khe Sanh	1450/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	1.176	1.176	1.176		700		
12	Đường liên khóm An Hà - Cao Việt, thị trấn Lao Bảo	1042/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.000	1.000	1.000		700		
13	Nhà vệ sinh hội trường HĐND và UBND huyện Hướng Hóa	431/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	625	625	625	0	35		Dừng thực hiện
14	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	2376/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	11.000	1.000	1.000	0	210		Đang thực hiện quyết toán DAHT
15	Trụ sở làm việc xã Hướng Linh	4212/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	4.936	494	300	0	245		Dừng thực hiện

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số						Trong đó: cấp huyện cân đối
16	Trụ sở làm việc xã Hướng Sơn	4215/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	4.936	494	300	0	240	Dừng thực hiện	
17	Đường giao thông Kiệt Phan Chu Trình - hộ Bà Yến (Khối 3) - TT Khe Sanh	2575/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	780	780	780	700	80		
18	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên	3486/QĐ-UBND ngày 26/11/2020; 2792/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	10.000	8.000	1.900	1.006	894	121	
19	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	80.000	20.000	3.000	1.297	689		
20	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Tà Đủ, xã Tân Hợp	734/QĐ-UBND ngày 05/03/2024 của UBND huyện	7.000	7.000	400		400	Dừng thực hiện do vướng mặt bằng	

HUYỆN ĐAKRÔNG



Biểu số L.8

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		63.423	15.671	15.447	5.898	9.478	5.519,972	
1	Trụ sở UBND thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Phòng làm việc	1009/QĐ-UBND ngày 22/04/24	3.000	129	200	0	129		Hoàn thành, chưa quyết toán
2	Nhà công vụ huyện Đakrông	1247/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	5.000	500	500	0	500		Hoàn thành, chưa quyết toán
3	Trường THCS Hướng Hiệp; Hạng mục: Khu hiệu bộ	609/QĐ-UBND ngày 25/3/24	3.100	1.100	932	0	932		Hoàn thành
4	Trường Tiểu học số 2 Đakrông; Hạng mục: Khu hiệu bộ	975/QĐ-UBND ngày 12/4/24	3.100	1.100	1.100	0	1.100		Hoàn thành
5	Trường Tiểu học số 1 Đakrông; Hạng mục: Khu hiệu bộ	1954/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	2.900	900	773	0	773		Hoàn thành
6	Nhà thi đấu đa năng huyện Đakrông	994/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	14.000	1.120	1.120	0	1.120		Hoàn thành sau năm 2025
7	Hoàn thiện vỉa hè đường Quốc lộ 9 - Đoạn qua thị trấn Krông Klang	595/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	3.000	2.680	2.680	1.000	1.680	1.000	Hoàn thành
8	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Ba Nang	596/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	4.800	2.327	2.327	2.129	198	2.129	Hoàn thành

3

83

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
9	Nâng cấp đường giao thông thôn Khe Luồi, xã Mò Ó	598/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	3.838	1.846	1.846	0	1.846		Hoàn thành
10	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông xã Tà Rụt	597/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	1.200	1.200	1.200		1.200		Hoàn thành
11	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	2234/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	18.285	2.119	2.119	2.119		2.119	Hoàn thành
12	Bê tông hóa đường giao thông nội thôn Xa Vi, xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông	1550/QĐ-UBND ngày 25/06/2024	1.200	650	650	650		272	Hoàn thành



Biểu số I.9

HUYỆN CAM LỘ



DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		286.678	116.675	18.700	9.708	7.337	-	
1	Trường MN Tuổi Hoa, xã Thanh An	2196/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	11.523	6.023	2.000	1.000	159	-	Hoàn thành, chưa quyết toán
2	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà đa năng và Nhà hiệu bộ	896/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	12.000	2.000	500	0	186	-	Hoàn thành, chưa quyết toán
3	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 1231/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	171.187	51.187	5.542	3.000	2.042	-	Hoàn thành sau năm 2025
4	Trường TH Cam Tuyền, Hạng mục: Nhà đa năng	2642/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	1.948	1.948	1.400	1.150	250	-	Hoàn thành, chưa quyết toán
5	Hội trường Huyện ủy Cam Lộ	2409/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	14.600	6.600	2.500	1.500	1.000	-	Hoàn thành
6	Hệ thống nước sạch các thôn Vĩnh An, Nam Hiếu, Vĩnh Đại	2966/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.224	1.224	500	-	500	-	Hoàn thành
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Cụm Công nghiệp Cam Hiếu 2, huyện Cam Lộ	2560/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	1.203	700	200	-	200	-	Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
8	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	1113/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	31.000	21.000	1.000	-	1.000	-	Hoàn thành sau năm 2025
9	Đường Dương Văn An (nối dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	1530/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	27.000	11.000	4.058	3.058	1.000	-	Hoàn thành sau năm 2025
10	Khen thưởng huyện đạt NTM: Hang mục: Đường liên xã Cam Thành- TT Cam Lộ	1990/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	14.993	14.993	1.000	-	1.000	-	Hoàn thành sau năm 2025



HUYỆN ĐẢO CỎ



Biểu số I.10

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
 (Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
	TỔNG CỘNG		8.383	7.873	7.873	4.201	3.672	
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp sân vườn, hàng rào Nhà Tưởng niệm Hồ Chí Minh	35/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	2.510	2.000	2.000		2.000	Hoàn thành năm 2025
2	Dự án Nhà Truyền thống huyện đảo Cỏ Cỏ (giai đoạn 2)	108/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	5.873	5.873	5.873	4.201	1.672	Hoàn thành năm 2025



Biểu số II
TỔNG HỢP VỐN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị/cấp quản lý	KH2021-2025 được HĐND tỉnh giao	Thu sử dụng đất thực tế						So sánh tổng kế hoạch vốn thực tế phân bổ hàng năm với KH trung hạn HĐND tỉnh giao
			Tổng số	Trong đó					
				2021	2022	2023	2024	2025 (Kế hoạch vốn)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 4-3
	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	2.100.000	3.593.149,48	933.994,95	794.857,33	256.716,65	714.615,39	892.965,16	1.493.149,48
1	Thành phố Đông Hà	750.000	1.290.693,60	265.328,60	204.536,00	85.098,00	398.776,00	336.955,00	540.693,6
2	TX Quảng Trị	100.000	194.245,70	67.075,70	31.470,00	11.281,00	40.419,00	44.000,00	94.245,7
3	Vĩnh Linh	385.000	719.008,42	179.989,28	164.150,73	42.318,24	118.220,49	214.329,68	334.008,4
4	Hướng Hóa	75.000	77.275,48	24.797,96	13.852,37	6.667,18	6.957,97	25.000,00	2.275,5
5	Gio Linh	125.000	216.616,43	58.697,48	60.864,71	31.449,11	38.335,43	27.269,70	91.616,4
6	Đakrông	40.000	44.887,33	21.119,09	6.598,84	6.434,51	5.734,89	5.000,00	4.887,3
7	Cam Lộ	200.000	466.240,30	172.682,30	113.664,00	26.886,00	53.008,00	100.000,00	266.240,3
8	Triệu Phong	125.000	148.268,84	54.401,16	27.973,50	18.501,14	16.982,25	30.410,78	23.268,8
9	Hải Lăng	300.000	435.913,37	89.903,37	171.747,18	28.081,46	36.181,36	110.000,00	135.913,4

THÀNH PHỐ ĐỒNG HÀ

Biểu số II.1

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐỘ CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện			
	TỔNG CỘNG		3.565.757	1.970.015	2.135.633	1.436.220	1.468.667	1.086.239	336.955	0	
A	Đo đạc địa chính (10%)				16.657	16.657	9.907	9.907	6.750		
B	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)				65.589	65.589	60.954	60.954	4.635		
C	Các dự án đầu tư (85%)		3.565.757	1.970.015	2.053.387	1.353.974	1.397.806	1.015.378	325.570	0	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán		407.014	356.260	299.558	255.420	353.290	299.646	1.500	0	
1	Kiệt 182 đường Lý Thường Kiệt, Phường 5	2653/QĐ-UBND 30/10/2019	1.448	1.448	900	900	1.421	1.421	0	0	
2	Via hè đường Nguyễn Chí Thanh	2532/QĐ-UBND 30/10/2019	5.596	5.596	2.593	2.593	1.800	1.800	0	0	
3	Via hè đường Tôn Thất Thuyết (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Du)	2531/QĐ-UBND 30/10/2019	6.409	6.409	3.409	3.409	3.409	3.409	0	0	
4	Hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Trương Hán Siêu	2533/QĐ-UBND 30/10/2019	1.121	1.121	1.121	121	1.121	1.121	0	0	
5	Via hè đường Trường Chinh (từ đường Hàm Nghi đến đường Hùng Vương)	2534/QĐ-UBND 30/10/2019	2.297	2.297	1.297	897	1.000	897	0	0	
6	Xử lý sạt lở khẩn cấp bờ sông Hiếu thuộc địa bàn phường Đông Giang	3434/QĐ-UBND 12/12/2019	4.866	1.866	4.866	1.866	4.839	1.839	0	0	
7	Nhà 2 tầng 6 phòng học Trường MN Hướng Dương và cổng, tường rào	2519/QĐ-UBND 29/10/2019	6.129	6.129	3.312	3.312	5.859	5.859	0	0	
8	Xây dựng bia di tích cầu sắt xóm đồ và địa điểm tổ chức lễ thả hoa	2372/QĐ-UBND 02/12/2020	2.767	2.767	1.767	1.767	1.200	1.200	0	0	
9	Nhà 2 tầng 6 phòng học Trường MN Hương Sen	2518/QĐ-UBND 29/10/2019	5.404	5.404	1.404	1.404	1.404	1.404	0	0	
10	Xây mới Trường THCS Nguyễn Trãi	2581/QĐ-UBND 31/10/2018	25.000	20.000	4.000	4.000	24.333	19.333	0	0	
11	Xây dựng Trụ sở làm việc UBND Phường 2	1770 05/9/2016	13.490	13.490	1.000	1.000	13.139	13.139	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện			
12	Nhà 2 tầng 6 phòng học Trường Tiểu học Hòa Bình	2029/QĐ-UBND 30/8/2019	5.162	5.162	1.161	1.161	4.906	4.906	0	0	
13	Xây dựng CSHT phục vụ sản xuất và di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm trong khu dân cư trên địa bàn thành phố	2547/QĐ-UBND 30/9/2019	5.322	5.322	2.322	2.322	4.775	4.775	0	0	
14	Xây dựng CSHT Khu dân cư Đặng Dung (giai đoạn 4)	2603/QĐ-UBND 31/10/2019 299/QĐ-UBND 09/3/2023	20.521	20.521	6.000	6.000	18.004	18.004	0	0	
15	Nhà 2 tầng 06 phòng học Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phường 3	2026 30/8/2019	4.755	4.755	1.655	1.655	4.445	4.445	0	0	
16	Hệ thống thoát nước tiêu úng cho vùng sản xuất lúa phía Tây đường sắt Bắc Nam thuộc Khu phố 3, phường Đồng Thanh	185/QĐ-UBND 22/5/2023	3.701	3.701	3.701	3.701	3.370	3.370	0	0	
17	Xây dựng CSHT khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2)	3228/QĐ-UBND 31/10/2016	14.998	14.998	3.698	3.698	13.268	13.268	0	0	
18	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Biểu	106/QĐ-UBND 22/7/2020	2.957	2.957	2.957	2.957	1.996	1.996	0	0	
19	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự Phường 5	102: 22/7/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.120	1.120	0	0	
20	Kè sông Hiếu qua đoạn phường Đông Giang	3434/QĐ-UBND 12/12/2019	5.000	0	5.000	0	4.847	0	0	0	
21	Nhà đa năng và hàng rào phía sau Trường THCS Hiếu Giang	2468/QĐ-UBND 30/10/2020	4.050	4.050	3.965	3.965	3.872	3.872	0	0	
22	Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn cuối tuyến)	2436/QĐ-UBND 28/10/2020	2.930	2.930	2.323	2.323	2.148	2.148	0	0	
23	Xây mới 06 phòng học, hàng rào phía sau và hạng mục PCCC Trường Tiểu học Đông Thanh	2479/QĐ-UBND 30/10/2020	6.250	6.250	6.139	6.139	6.092	6.092	0	0	
24	Via hè, thoát nước đường Phan Huy Chú	2482/QĐ-UBND 30/10/2020	4.000	4.000	4.000	4.000	3.938	3.938	0	0	
25	Xây dựng 02 sân Tennis tại Trung tâm VH-TT-TDTT thành phố	244/QĐ-UBND 27/01/2022	4.000	4.000	4.000	4.000	3.868	3.868	0	0	
26	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự Phường 3	53: 23/7/2021	1.200	1.200	1.200	1.200	1.119	1.119	0	0	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện			
27	Trang trí đèn Led trên cột đèn chiếu sáng tuyến đường Hùng Vương (đoạn từ ngã tư Hùng Vương - Điện Biên Phủ đến cầu Vĩnh Phước)	135/QĐ-UBND 09/3/2022	1.100	400	1.100	400	1.003	303	0	0	
28	Trang trí tổng hợp cụm đèn Led trên vỉa hè trước công viên Fidel	134/QĐ-UBND 09/3/2022	1.000	400	1.000	400	934	334	0	0	
29	Trang trí công chào đèn Led ngang đường Thanh Niên	136/QĐ-UBND 09/3/2022	850	350	850	350	843	343	0	0	
30	Trang trí công chào đèn Led ngang đường Hoàng Diệu	139/QĐ-UBND 09/3/2022	950	450	950	450	950	450	0	0	
31	Xây mới 4 phòng học bộ môn và nhà đa năng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phường 3	2480/QĐ-UBND 30/10/2020	8.100	8.100	7.828	7.828	7.577	7.577	0	0	
32	Điện chiếu sáng đường nối từ đường Lê Thế Tiết đến đường Hàn Thuyên	121/QĐ-UBND 22/7/2020	1.674	1.674	1.674	200	1.022	200	0	0	
33	Sửa chữa, nâng cấp cụm trang trí điện tử tuyến truyền ngã tư Hùng Vương - Lý Thường Kiệt	115/QĐ-UBND 24/12/2021	2.700	2.700	2.700	2.700	2.535	2.535	0	0	
34	Trang trí đèn Led trên cột điện chiếu sáng tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ QL1A đến đường Khố Bảo)	1159/QĐ-UBND 02/6/2022	1.700	1.000	1.700	1.000	1.621	921	0	0	
35	Khu thiết chế Văn hóa và Thể thao Phường 1	2486/QĐ-UBND 30/10/2020	7.000	7.000	6.694	6.694	6.694	6.694	0	0	
36	Kè bờ sông Hiếu đoạn qua Phường 4, thành phố Đông Hà	553/QĐ-UBND 19/3/2021	4.000	0	4.000	0	3.659	0	0	0	
37	Nhà phòng chống lụt bão Khu phố 1, phường 4	1116/QĐ-UBND 25/5/2022	5.000	5.000	5.000	5.000	3.744	3.744	0	0	
38	Hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư để khai thác, sử dụng	2485/QĐ-UBND 30/10/2020	2.230	2.230	2.230	2.230	1.106	1.106	0	0	
39	Tạo mặt bằng sạch tại thửa đất số 383 (154a) tờ bản đồ số 30 của bà Lê Thị Cúc tại khu phố 2, phường Đông Lễ để giao cho nhà ga Đông Hà quản lý	487/QĐ-UBND 17/3/2021	2.200	0	2.200	0	2.084	0	0	0	
40	Công và tường rào mặt trước Trường THCS Nguyễn Trãi	2371/QĐ-UBND 23/10/2020	1.600	1.600	1.600	1.600	1.513	1.513	0	0	
41	Nâng cấp, sửa chữa các Nhà văn hóa xuống cấp trên địa bàn thành phố	258/QĐ-UBND 28/01/2022	7.000	7.000	7.000	7.000	6.664	6.664	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện			
42	Xây dựng mới Trường THCS Nguyễn Trãi (giai đoạn 2)	2998/QĐ-UBND 29/12/2020	30.000	19.000	30.000	19.000	27.600	16.252	0	0	
43	Xây dựng CSHT khu dân cư hai bên đường Hàn Thuyên (giai đoạn 2)	2601/QĐ-UBND 31/10/2019	20.988	20.988	13.606	13.606	20.616	20.616	0	0	
44	Xây dựng mới 03 phòng học Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	2741 23/12/2022	2.557	2.557	2.557	2.557	2.418	2.418	0	0	
45	Trường Tiểu học Hàm Nghi, thành phố Đông Hà - Hạng mục: Nhà Hiệu bộ	3005/QĐ-UBND 30/12/2020	4.304	0	4.304	0	4.304	0	0	0	
46	Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Phạm Hồng Thái	2682/QĐ-UBND 21/12/2022	5.718	5.718	5.718	5.718	5.173	5.173	0	0	
47	Xây dựng CSHT phục vụ sản xuất và di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm trong khu dân cư trên địa bàn thành phố	3504/QĐ-UBND 29/12/2021	5.322	5.322	2.322	2.322	4.775	4.775	0	0	
48	Sân thể dục và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	2604/QĐ-UBND 14/12/2022	1.178	278	1.178	278	1.140	240	0	0	
49	Đường Kiệt 251 Lý Thường Kiệt	2375/QĐ-UBND 23/10/2020	1.000	1.000	1.000	1.000	924	924	0	0	
50	Nâng cấp đường Lý Nam Đế	2496/QĐ-UBND 29/11/2022	4.049	4.049	4.049	4.049	3.848	2.248	0	0	
51	Vườn hoa mini tại khu vực Chợ Phường 3 (cũ)	1527/QĐ-UBND 10/8/2023	2.393	2.393	2.393	2.393	2.214	2.214	0	0	
52	Xử lý các điểm ngập úng cục bộ trên địa bàn thành phố (đường Đoàn Khuê, khu phố 4 – phường Đông Lễ/QĐ-UBND khu phố 1, phường Đông Lương và Kiệt 154 đường Lê Lợi)	1258/QĐ-UBND 17/6/2022	3.449	3.449	3.449	3.449	2.913	2.913	0	0	
53	Xây dựng CSHT Khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 3)	2449/QĐ-UBND 29/10/2020	32.000	32.000	32.000	32.000	24.383	24.383	0	0	
54	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, thành phố Đông Hà	3557/QĐ-UBND 31/12/2021	11.922	1.922	6.609	1.100	6.109	600	0	0	
55	Xây dựng mới 08 phòng học Trường tiểu học Võ Thị Sáu	637/QĐ-UBND 26/4/2023	6.606	6.606	6.606	6.606	5.962	5.962	0	0	
56	Đường giao thông dọc Kênh N04, phường Đông Thanh	512/QĐ-UBND 12/3/2024	2.500	2.500	2.500	2.500	2.445	2.445	0	0	
57	Sửa chữa trụ sở Công an thành phố	3504/QĐ-UBND 29/12/2021	3.800	3.800	3.800	3.800	3.547	3.547	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư đất cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện			
58	Các công trình quân sự trong khu vực phòng thủ	926/QĐ-UBND 01/6/2023	8.420	8.420	8.420	8.420	7.987	7.987	0	0	
59	Nhà đa năng trường THCS Trần Hưng Đạo	2840/QĐ-UBND 30/12/2022	4.600	4.600	4.600	4.600	3.900	3.900	0	0,0	
60	Hệ thống cây xanh và đèn trang trí tại Bìa di tích Cầu sắt xóm dò và địa điểm tổ chức lễ thả hoa phượng Đông Thanh	3455/QĐ-UBND 09/12/2024	691	341	691	341	691	341	0	0,0	
61	Sửa chữa, nâng cấp Công viên Lê Duẩn	3152/QĐ-UBND 29/11/2021	3.300	1.300	3.300	1.300	3.168	1.280	0	0,0	
62	Trồng cây xanh các Khu dân cư mới	1699/QĐ-UBND 12/8/2022	6.110	6.110	6.110	6.110	5.819	5.819	0	0,0	
63	Xây dựng các vườn hoa mini trên địa bàn thành phố Đông Hà	1360/QĐ-UBND 26/7/2023	7.572	7.572	1.972	1.972	7.202	1.972	0	0,0	
1	Hạ tầng thực hiện Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Đông Hà giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030	1694/QĐ-UBND 10/8/2022	14.826	14.826	14.826	14.826	11.886	11.886	1.500	0,0	
65	Đầu tư nâng cấp hạ tầng, xử lý các điểm ngập úng cục bộ trên địa bàn thành phố	1258/QĐ-UBND 17/6/2022	14.133	14.133	14.133	14.133	13.192	13.192	0	0	
66	Sửa chữa, nâng cấp đường nối từ đường Lê Thánh Tông đến đường Nguyễn Phúc Nguyên, Phường 5	985/QĐ-UBND 26/4/2024	1.900	1.900	1.900	1.900	1.833	1.833	0	0	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán		648.519	558.781	443.215	429.715	483.939	373.987	80.920	0	
1	Kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp QL 9D (giai đoạn 1)	1846/QĐ-UBND 14/10/2013	50.856	35.856	10.000	10.000	40.580	25.580	0	0	
2	Đường Lai Phước- Tân Vinh	2309/QĐ-UBND 28/10/2014	24.008	7.202	0	0	24.008	7.202	0	0	
3	Đường Lê Lợi kéo dài và XDCSHT KDC 2 bên tuyến	3158/QĐ-UBND 09/11/2004	69.378	22.146	6.766	6.766	69.378	6.766	0	0	
4	Xây dựng CSHT Khu dân cư phía Đông Kênh N2	1850/QĐ-UBND 26/8/2020	37.883	37.883	37.883	37.883	34.090	34.090	0	0	
5	Xây dựng CSHT khu Tái định cư Phường 3	2604/QĐ-UBND 31/10/2019	18.598	18.598	18.598	18.598	15.232	15.232	0	0	
6	Xây mới nhà hiệu bộ trường mầm non Đông Giang	206/QĐ-UBND 20/02/2023	3.911	1.711	3.911	1.711	3.590	1.390	0	0	
7	Xây mới 12 phòng học Trường THCS Nguyễn Huệ	2603/QĐ-UBND 14/12/2022	11.985	7.485	11.985	7.485	11.446	6.946	0	0	
8	Xây mới nhà đa năng Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Đông Hà	1364/QĐ-UBND 08/5/2024	5.519	1.519	5.519	1.519	2.500	0	1.200	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện			
9	Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà	622/QĐ-UBND 11/3/2025	227.000	227.000	227.000	227.000	127.198	120.863	65.000	0	
10	Khu thiết chế Văn hóa và Thể thao Phường 1 (Giai đoạn 2)	1752/QĐ-UBND 12/6/2024	3.135	3.135	3.135	3.135	1.500	1.500	1.000	0	
11	Nhà đa năng Trường tiểu học Hàm Nghi	1363 08/5/2024	5.579	5.579	5.579	2.779	2.779	2.779	2.800	0	
12	Xây dựng CSHT KDC phía Tây đường Khóa Bảo (giai đoạn 2)	2094/QĐ-UBND 30/9/2020	24.998	24.998	17.893	17.893	22.186	22.186	0	0	
13	XD CSHT khu dân cư khu phố Tây Trì, Phường 1	2216/QĐ-UBND 30/10/2014	43.177	43.177	19.739	19.739	42.794	42.794	0	0	
14	Kè chống sạt lở tại khu vực phía Đông đường Đồng Kinh Nghĩa Thục, Khu phố 3, Phường 4	1355/QĐ-UBND 07/5/2024	5.500	5.500	5.500	5.500	2.986	2.986	0	0	
15	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng một số tuyến đường trên địa bàn thành phố	947/QĐ-UBND 14/4/2025	1.450	1.450	1.450	1.450	0	0	1.000		
16	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1)	177/QĐ-UBND 29/01/2024	11.390	11.390	11.390	11.390	5.923	5.923	3.000	0	
17	Hệ thống đèn chiếu sáng và trang trí điện tử	472/QĐ-UBND 14/3/2022	9.403	9.403	9.403	9.403	6.575	6.575	0	0	
18	Xây dựng vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Chi Lăng	2432/QĐ-UBND 27/8/2024	2.600	2.600	2.600	2.600	1.900	1.900	680	0	
19	Nâng cấp đường Nguyễn Huy Tưởng, Phường 4	1136/QĐ-UBND 28/4/2025	1.975	1.975	1.975	1.975	0	0	1.970	0	
20	Xây dựng CSHT mở rộng Khu dân cư đường Thanh Niên	1880/QĐ-UBND 26/6/2024	35.949	35.949	24.063	24.063	25.433	25.433	2.270	0	
21	Hoàn thiện CSHT khu dân cư khu phố 5, phường Đông Thanh	298/QĐ-UBND 31/10/2017 1082/QĐ-UBND 27/4/2020	5.542	5.542	2.504	2.504	3.393	3.393	0	0	
22	Xây dựng CSHT khu dân cư Đồng Soi (giai đoạn 2)	3074/QĐ-UBND 30/12/2018	19.358	19.358	10.283	10.283	16.183	16.183	300	0	
23	Xây dựng CSHT khu dân cư Đồng Soi	2440/QĐ-UBND 31/10/2015 131/QĐ-UBND 17/01/2018	21.010	21.010	1.224	1.224	16.551	16.551	400	0	
24	Các lô đất lẻ trong khu dân cư	1518/QĐ-UBND 08/8/2023	2.152	2.152	2.152	2.152	1.800	1.800	500	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện			
25	Xây dựng CSHT khu đất lè khu phố 5, phường Đông Thanh	2596/QĐ-UBND 31/10/2019	6.163	6.163	2.663	2.663	5.914	5.914	800	0	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		378.733	262.733	316.932	200.932	203.134	145.303	41.170	0	
1	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn thành phố Đông Hà (Phường 2, Phường 4, phường Đông Giang, phường Đông Thanh)	2614/QĐ-UBND 14/12/2022	12.000	4.000	12.000	4.000	6.300	0	2.000	0	
2	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	3000/QĐ-UBND 29/12/2020 2785/QĐ-UBND 31/12/2023	44.000	27.000	44.000	27.000	34.396	22.696	1.000	0	
3	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và Khu phố 2, phường 5	1138/QĐ-UBND 01/6/2022	56.200	36.200	56.200	36.200	27.479	24.648	5.000	0	
4	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đông Hà	42/QĐ-UBND 25/6/2021/QĐ-UBND 145/QĐ-UBND 22/7/2022	23.050	5.050	23.050	5.050	21.750	3.750	1.200	0	
5	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi TP Đông Hà	34/QĐ-UBND 25/6/2021	24.500	8.500	24.500	8.500	8.466	6.966	1.500	0	
6	Nâng cấp Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ Tạ Quang Bửu đến Trần Nhật Duật)	3403/QĐ-UBND 23/12/2021/QĐ-UBND 371/QĐ-UBND 05/3/2024	14.999	14.999	11.186	11.186	8.216	8.216	2.970	0	
7	Đường nối Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Hữu Khiếu	1099/QĐ-UBND 23/6/2023	3.640	3.640	1.864	1.864	1.776	1.776	1.000	0	
8	Đường nối Quốc lộ 9 đến đường Bà Triệu	583/QĐ-UBND 22/3/2024	4.896	4.896	1.236	1.236	3.570	3.570	500	0	
9	Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật	695/QĐ-UBND 09/4/2024/QĐ-UBND 2493/QĐ-UBND 04/9/2024	7.978	7.978	6.102	6.102	4.602	4.602	1.500	0	
10	Đường Hàn Thuyên nối dài (đoạn từ đường Thạch Hãn đến đường Phường 2 – Đông Lương – Đông Lễ)	695/QĐ-UBND 09/4/2024	5.200	5.200	3.900	3.900	1.400	1.400	2.500	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư giá đất cấp huyện			
11	Nâng cấp, hoàn thiện bãi chôn lấp bãi rác thành phố Đông Hà	2700/QĐ-UBND 29/12/2023	20.000	8.000	20.000	8.000	6.200	200	5.000	0	
12	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1)	471/QĐ-UBND 14/3/2022 177/QĐ-UBND 29/01/2024	11.390	11.390	11.390	11.390	5.923	5.923	3.000	0	
13	Nâng cấp đường Hồ Quý Ly, phường Đông Thanh	1142/QĐ-UBND 28/4/2025	6.681	6.681	2.800	2.800	0	0	2.800	0	
14	Đường 47m và CSHT khu TĐC Bắc sông Hiếu	2748/QĐ-UBND 26/12/2022	81.000	81.000	63.000	63.000	29.251	29.251	9.000	0	
15	Xây dựng CSHT khu TĐC Phường 3, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2)	2737/QĐ-UBND 29/12/2023	28.000	3.000	28.000	3.000	13.495	1.995	800	0	
16	Xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khoa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3, thành phố Đông Hà	1395/QĐ-UBND 26/10/2012 954/QĐ-UBND 15/4/2025	31.000	31.000	3.505	3.505	27.610	27.610	0	0	
17	CSHT Khu dân cư Đông Trường Sơn, Phường 3	3589/QĐ-UBND 31/12/2021	4.199	4.199	4.199	4.199	2.700	2.700	1.400	0	
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025	0	1.891.586	552.336	896.483	370.708	357.443	196.443	144.630	0	
1	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	2469/QĐ-UBND 27/10/2023/QĐ-UBND 2630/QĐ-UBND 04/11/2024	1.152.920	57.670	297.658	27.520	29.000	18.000	13.000	0	
2	Chỉnh trang đô thị khu vực trung tâm thành phố	1204/QĐ-UBND 08/6/2022	100.000	100.000	100.000	100.000	35.070	35.070	40.000	0	
3	Đường quanh Hồ Trung Chí, Phường 5	2516/QĐ-UBND 05/9/2024	4.312	4.312	3.012	3.012	1.400	1.400	2.000	0	
4	Đường Đặng Trần Côn (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hàm Nghi)	3679/QĐ-UBND 21/12/2016/QĐ-UBND 2492/QĐ-UBND 04/09/2024	14.999	14.999	7.101	7.101	6.639	6.639	3.000	0	
5	Đường kè hai bên cầu vượt Đông Hà	2517/QĐ-UBND 29/10/2018/QĐ-UBND 3065/QĐ-UBND 29/10/2024	13.000	13.000	4.000	4.000	8.091	8.091	500	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu tư cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu tư cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện			
6	CSHT khu dân cư khu phố 1A, phường Đông Lễ	2264/QĐ-UBND 30/10/2017	8.048	8.048	8.048	8.048	3.691	3.691	500	0	
7	Đường Trần Quang Khải (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	304/QĐ-UBND 14/02/2022/QĐ-UBND 681/QĐ-UBND 08/4/2024	26.000	10.000	26.000	10.000	10.596	10.596	3.000	0	
8	Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2)	67/QĐ-UBND 13/01/2025	226.210	76.210	226.210	76.210	171.783	21.783	35.000	0	
9	Đường Lê Thánh Tông (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	792/QĐ-UBND 22/4/2022	89.000	14.000	89.000	14.000	5.876	5.876	5.000	0	
10	Xây dựng CSHT Khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái (giai đoạn 2)	2471/QĐ-UBND 30/10/2020/QĐ-UBND 2779/QĐ-UBND 31/12/2023	25.000	25.000	18.387	18.387	16.387	16.387	2.000	0	
11	Xây dựng CSHT Khu dân cư phía Tây đường Khóa Bào (giai đoạn 3)	2476/QĐ-UBND 30/10/2020/QĐ-UBND 2782/QĐ-UBND 31/12/2023	33.027	33.027	18.413	18.413	18.413	18.413	500	0	
12	Hoàn thiện CSHT Khu dân cư phía Tây đường Khóa Bào	181/QĐ-UBND 24/01/2022	18.500	18.500	9.500	9.500	7.500	7.500	750	0	
13	Đường Tuệ Tĩnh và CSHT khu dân cư hai bên tuyến	1858/QĐ-UBND 29/10/2013/QĐ-UBND 345/QĐ-UBND 26/02/2024	28.288	28.288	14.100	14.100	15.956	15.956	4.500	0	
14	CSHT khu dân cư đường Bà Triệu	3225/QĐ-UBND 31/10/2016/QĐ-UBND 890/QĐ-UBND 24/4/2024	17.299	17.299	13.300	13.300	8.254	8.254	3.000	0	
15	Đường Trường Chinh nối dài (đoạn Nguyễn Du – Nguyễn Chí Thanh)	2530/QĐ-UBND 18/10/2023	9.485	6.485	6.485	6.485	0	0	2.000	0	
16	Vùng trồng hoa chấu tập trung tại phường Đông Giang	700/QĐ-UBND 11/4/2024	13.004	13.004	13.004	13.004	3.500	3.500	4.500	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện			
17	Xây dựng CSHT mở rộng khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2)	3190/QĐ-UBND 12/11/2024	46.800	46.800	12.000	12.000	250	250	6.280	0	
18	Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSDĐ để thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Phường 5	1222/QĐ-UBND 10/6/2022	31.500	31.500	3.100	3.100	675	675	8.000	0	
19	Hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2)	1189/QĐ-UBND 07/5/2025	3.000	3.000	3.000	3.000	0	0	2.100	0	
20	Đường kiệt 120 Tôn Thất Thuyết, Phường 5, thành phố Đông Hà	07/QĐ-UBND 05/01/2018	9.194	9.194	2.165	2.165	6.999	6.999	2.000	0	
21	Xử lý các nút giao thông nguy hiểm, thành phố Đông Hà	180/QĐ-UBND 24/01/2022	22.000	22.000	22.000	7.363	7.363	7.363	7.000	0	
V	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)		239.906	239.906	97.200	97.200	0	0	33.556	0	
1	Đường vào khu phố Khe Lấp, Phường 3 (từ đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Đông Hà đến khu phố Khe Lấp)	1415/QĐ-UBND 27/5/2025	14.999	14.999	1.000	1.000	0,0	0,0	2.000	0	
2	Xây dựng CSHT Khu dân Phố Đông đường Lê Lợi (giai đoạn 1)	90/QĐ-UBND 29/10/2021	41.000	41.000	1.000	1.000	0,0	0,0	950	0	
3	Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái	51/QĐ-UBND 23/7/2021	51.000	51.000	51.000	51.000	0,0	0,0	8.656	0	
4	Xây dựng CSHT Khu dân cư vùng Đạc, phường Đông Giang	95/QĐ-UBND 29/10/2021	51.000	51.000	1.000	1.000	0,0	0,0	950	0	
5	Cải tạo nhà đa năng, nhà làm việc 2 tầng, nhà bảo vệ và lát sân vườn Trường mầm non Hướng Dương	268/QĐ-UBND 28/10/2024	4.000	4.000	4.000	4.000	0,0	0,0	3.000	0	
6	Xây mới nhà 02 tầng 06 phòng học và hòa thiện sân vườn Trường Mầm non Hương Sen	220/QĐ-UBND 22/12/2023	9.507	9.507	6.500	6.500	0,0	0,0	6.000	0	
7	Xây dựng CSHT Khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ (giai đoạn 2)	89/QĐ-UBND 29/10/2021 155/QĐ-UBND 21/10/2022	42.000	42.000	27.000	27.000	0,0	0,0	8.000	0	
8	Xây dựng CSHT khu dân cư đường Trần Huy Liệu, Phường Đông Thanh (giai đoạn 1)	113/QĐ-UBND 04/11/2022	62.700	62.700	1.000	1.000	0,0	0,0	0	0	
9	Hoàn thiện Khu dân cư Cổ Hóa, phường Đông Lương	198/QĐ-UBND 22/12/2023	2.200	2.200	2.200	2.200	0,0	0,0	2.000	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện			
10	Bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ Trung tâm VH-TT-TD-TT thành phố	1635/QĐ-UBND 29/05/2024	2.500	2.500	2.500	2.500	0,0	0,0	2.000	0	0
VI	Nguồn vốn quyết toán dự án hoàn thành								6.000		
VII	Vốn CBĐT								1.000		Không thực hiện
VIII	Nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch								5.190		
IX	Nguồn đối ứng thực hiện đề án xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thành phố Đông Hà, giai đoạn 2021-2025								1.760		
X	Nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất ở được phân bổ cho UBND các phường								9.844		

THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

Biểu số II.2

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
	TỔNG CỘNG			177.468	191.966	174.904	106.001	91.657	50.188	44.000	1.191	1.191	7.147	7.147	
A	Đo đạc địa chính (10%)				20.550	20.550	4.537	4.537	1.170	1.170			7.147	7.147	
B	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)				10.275	10.275	6.744	6.744		2.200					
C	Các dự án đầu tư (85%)		349.908	177.468	161.141	144.079	94.720	80.376	49.018	40.630	1.191	1.191			
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán		422	422	422	422	0	100	322	322	0	0	0	0	
1	Quy hoạch chi tiết phân lô tỷ lệ 1/500 - Phân lô các khu nhỏ lẻ trên địa bàn thị xã Quảng Trị	510/QĐ-UBND ngày 04/06/2021	145	145	145	145			145	145					
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Khu phố 4, Phường 2, thị xã Quảng Trị	823/QĐ-UBND ngày 21/08/2020	277	277	277	277		100	177	177					
II	Dự án đã hoàn thành đang thẩm tra quyết toán		36.145	21.059	23.444	18.058	18.017	16.025	4.698	3.048	175	175			
1	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh, HM: Nhà học bộ môn và Nhà đa năng	1314/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.400	1.150	2.400	1.150			1.850	1.150					
2	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị, hạng mục: Phòng tổ chuyên môn và Hội trường	987/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	3.700	1.000	1.000	1.000			850	550					

(Chữ ký)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	523/QĐ-UBND ngày 20/05/2022	9.600	4.400	6.600	4.400	4.450	4.450	1.998	1.348					
4	San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ	1334/QĐ-UBND 17/12/2021	3.328	1.862	3.328	1.862	3.327	1.805			109	109			
5	Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị; HM: Khu cát tắng di dời lăng mộ tại Khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ (292)	611/QĐ-UBND ngày 09/07/2021	5.000	4.530	5.000	4.530	4.930	4.460			55	55			
6	Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ	584/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	8.117	8.117	5.116	5.116	5.310	5.310			11	11			
III	Dự án hoàn thành năm 2025		145.521	19.799	36.764	32.599	29.188	21.898	12.372	10.996	937	937			
1	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn, hạng mục: Xây mới dãy nhà học 3 tầng	986/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	9.600	5.600		5.600			4.751	3.849					
2	Đường giao thông khu phố 1, khu phố 3, phường An Đôn	366/QĐ-UBND ngày 26/04/2021	10.399	10.199	10.399	10.199	10.351	10.151			937	937			
3	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị xã Quảng Trị	275/QĐ-UBND ngày 06/02/2018	119.856	4.000	4.000	4.000	1.456	1.456	2.530	2.530					
4	Chống úng cục bộ các phường xã	635/QĐ-UBND ngày 26/05/2025	1.120	1.120					1.100	1.100					
5	Mục Giải phóng mặt bằng	1630/QĐ-UBND ngày 31/12/2024			19.365	12.000	16.249	9.969	2.031	2.031					
6	Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã đến năm 2045	340/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	4.008						860	860					
7	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	1332/QĐ-UBND ngày 14/12/2024	538						300	300					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
10	Bổ sung các chương trình, vốn ủy thác NHCS	1560/QĐ-UBND ngày 22/12/2024							200	200					
11	Nông thôn mới	1560/QĐ-UBND ngày 22/12/2024			3.000	800	1.132	322	600	126					
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025		139.188	126.188	76.000	83.000	41.098	38.853	25.722	24.897	0	0			
1	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	967/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	112.188	112.188	69.000	69.000	32.087	32.087	20.595	20.595					
2	Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 2).	380/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	15.000	7.000	7.000	7.000	1.766	1.766	2.372	2.372					
3	Hệ thống thu gom nước thải thị xã Quảng Trị - Tuyến cấp 2.	269/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	12.000	7.000		7.000	7.245	5.000	2.755	1.930					
V	Dự án đang dừng thực hiện		28.632	10.000	24.511	10.000	6.417	3.500	5.904	1.367	79	79			
1	Trung tâm hành chính thị xã (GĐ 1);	1407/QĐ-UBND ngày 25/11/202	24.511	10.000	24.511	10.000	6.417	3.500	4.837	300	79	79			
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường 2	393/QĐ-UBND ngày 6/5/2024	1.742						444	444					
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường 3	379/QĐ-UBND ngày 6/5/2024	1.659						394	394					
4	- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồng Sùng, phường An Đôn,	1296/QĐ-UBND ngày 1/11/2024	720						229	229					

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐỘ CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
	TỔNG CỘNG		705.616,67	683.731,58	407.526,75	243.706,97	214.329,68	14.447,88	14.054,48	14.054,48	9.832,53	
A	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)		10.716,48	10.716,48		10.716,48	10.716,48	-				
B	Đo đạc địa chính (10%)		29.382,31	29.147,22	8.288,23	21.432,97	21.432,97	-	4.184,83	4.184,83	-	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại dịch vụ hồ Lò Gạch, thôn Linh Đơn, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh	66/QĐ - UBND ngày 10/01/2025	421,76	421,76		421,76	421,76		-			
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2384 ngày 2/7/2024	392,27	157,18		157,18	157,18		-			
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn, thôn Hòa Bình, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	348 ngày 9/3/2022	182,13	182,13		182,13	182,13		-			
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư khu phố Hòa Phú thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2926/QĐ-UBND	372,50	372,50	307,09	31,87	31,87		-			

R

2

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
5	Tư vấn định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá (Khu A)	1030/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	188,60	188,60		188,60	188,60		-			
6	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2010/QĐ - UBND ngày 30/05/2025	117,58	117,58		117,58	117,58		-			
7	Điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh đến năm 2040	744/QĐ - UBND ngày 08/03/2022 3290/QĐ - UBND ngày 31/12/2024	3.686,90	3.686,90	2.237,89	1.372,56	1.372,56		117,81	117,81		
8	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Hiền Thành	422 ngày 9/6/2025	89,35	89,35		89,35	89,35		-			
9	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Kim Thạch	377/QĐ-UBND ngày 06/06/2025	91,48	91,48		91,48	91,48		-			
10	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Thái	451/QĐ-UBND, NGÀY 06/6/2025	88,06	88,06		88,06	88,06		-			
11	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Hòa	132 (6/6/2025)	88,32	88,32		88,32	88,32		-			
12	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Giang	118/QĐ-UBND ngày 5/6/2025	84,00	84,00		84,00	84,00		-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
13	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Trung Nam	131/QĐ-UBND 06/6/2025	91,52	91,52		91,52	91,52		-			
14	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Tú	96/QĐ-UBND ngày 6/6/2025	91,70	91,70		91,70	91,70		-			
15	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Cháp	105/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	99,00	99,00		99,00	99,00		-			
16	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Ô	2129/QĐ-UBND ngày 7/6/2025	107,59	107,59		107,59	107,59		-			
17	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Khê	320/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	95,49	95,49		95,49	95,49		-			
18	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Hà	2129/QĐ-UBND ngày 1/6/2025	106,83	106,83		106,83	106,83		-			
19	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Thủy	2129/QĐ-UBND 07/06/2025	93,55	93,55		93,55	93,55		-			
20	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Lâm	147/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	87,70	87,70		87,70	87,70		-			
21	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Sơn	154/QĐ-UBND 09/6/2025	95,25	95,25		95,25	95,25		-			
22	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thị trấn Hồ Xá	159/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	83,36	83,36		83,36	83,36		-			
23	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thị trấn Cửa Tùng	71/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	89,55	89,55		89,55	89,55		-			
24	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vinh Long	142/QĐ-UBND ngày 6/6/2025	92,47	92,47		92,47	92,47		-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
25	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thị trấn Bến Quan	2010/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	80,12	80,12		80,12	80,12		-			
26	Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Linh	2372/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
27	Quy hoạch chung xây dựng xã Cửa Tùng	2372/QĐ-UBND ngày 18/6/2026	2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
28	Quy hoạch chung xây dựng xã Bến Quan	2372/QĐ-UBND ngày 18/6/2027	2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
29	Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thủy	2372/QĐ-UBND ngày 18/6/2028	2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
30	Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hoàng	2372/QĐ-UBND ngày 18/6/2029	2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
31	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Điểm du lịch cộng đồng sinh thái Bàu Thủy Ú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2310/QĐ-UBND ngày 28/06/2024	392,27	392,27		392,27	392,27		-			
32	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Bình, xã Vĩnh Chấp(GD1)	3140/QĐ-UBND 28/9/2022	210,96	210,96	169,19	41,77	41,77		-			
33	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Bình, xã Vĩnh Chấp(GD2)	3138/QĐ-UBND 28/9/2022	210,22	210,22	168,45	41,77	41,77		-			
34	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn thôn Thử Luật, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	203/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	239,54	239,54	239,54	-	-		209,40	209,40		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
35	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư nông thôn, thôn Mạch Nước, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2691/QĐ - UBND ngày 18/10/2023	202,00	202,00	202,00	-	-		170,34	170,34		
36	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu vực nhỏ lẻ khu dân cư nông thôn tại các thôn, thôn Đông Luật, Thái Lai 1 và Thái Lai 2 xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;	217/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	251,32	251,32	251,32	-	-		208,98	208,98		
37	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Làng Văn hóa du lịch cộng đồng sinh thái Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	3939/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	548,59	548,59	548,59	-	-		515,49	515,49		
38	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu (2025) của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Linh	667/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.654,82	2.654,82		-	-		2.654,82	2.654,82		
39	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vĩnh Linh	3368/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	586,90	586,90	586,90	-	-		80,87	80,87		
40	Lập thống kê đất đai năm 2023 huyện Vĩnh Linh	3654/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	228,89	228,89	228,89	-	-		13,18	13,18		
41	Điều chỉnh quy hoạch chung TT Cửa Tùng huyện Vĩnh Linh đến năm 2040.	2233/QĐ - UBND ngày 29/08/2022	2.771,64	2.771,64	1.780,25	836,28	836,28		101,07	101,07		
42	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trụ sở trung tâm Môi trường cũ, huyện Vĩnh Linh , tỉnh Quảng Trị	2449/QĐ - UBND ngày 13/09/2023	205,95	205,95	205,95	-	-		5,05	5,05		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
43	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Văn hóa Khu Phố 1, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2461/QĐ - UBND ngày 14/09/2023	207,54	207,54	207,54	-	-		5,02	5,02		
44	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý nước thải cục bộ thị trấn Hồ xá, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị	800/QĐ - UBND ngày 17/04/2024	202,95	202,95	202,95	-	-		4,66	4,66		
45	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bến xe phía Nam, Chợ Hồ Xá 3, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	3641/QĐ - UBND ngày 06/12/2023	510,91	510,91	510,91	-	-		58,95	58,95		
46	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất dịch vụ thương mại Bắc Lê Hồng Phong khu phố 6, Thị trấn Hồ xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	4594/QĐ - UBND ngày 22/12/2020	440,80	440,80	440,80	-	-		39,22	39,22		
*	Dự phòng ĐTC năm 2025 (số 10% chưa giao chi tiết)					3.493,90	3.493,90					
C	Các dự án đầu tư (85%)		665.517,87	643.867,87	399.238,52	211.557,52	182.180,23	14.447,88	9.869,65	9.869,65	9.832,53	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán		135.676,04	135.476,04	114.130,55	11.942,76	9.319,76	1.849,26	2.774,16	2.774,16	-	
48	Bê tông hoá đường bê tông liên thôn Lê Xá, xã Vĩnh Sơn	4181/QĐ-UBND 09/12/2020	817,56	817,56	765,25	42,75	42,75					
49	Bê tông hóa đường liên thôn Liêm Công Đông - Phúc Đức, xã Hiền Thành	3580/QĐ-UBND 26/10/2022	890,00	890,00	518,16	371,84	371,84					
50	Bê tông hóa đường nội thôn Phúc Đức, xã Hiền Thành	3579/QĐ-UBND 26/10/2022	579,63	579,63	405,95	173,68	173,68					
51	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Hòa huyện Vĩnh Linh	5010/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.500,00	3.500,00	677,00	23,00	-	23,00				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
52	Xây dựng công , hàng rào, nhà vệ sinh TTHTCĐ thôn Hòa bình, xã Hiền Thành	3584 ngày 26/10/2022	400,00	400,00	384,29	15,71	15,71					
53	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh và sân TTHTCĐ thôn Thái Mỹ, xã Hiền Thành	3582 ngày 26/10/2022	800,00	800,00	642,92	157,08	157,08					
54	Xây dựng TTHTCĐ thôn Tân An, xã Hiền Thành	3466 ngày 18/10/2022	1.084,55	1.084,55	568,42	516,14	516,14					
55	Xây dựng TTHTCĐ thôn Tân Trại Thượng, xã Hiền Thành;Hm: Nâng cấp, sửa chữa mái nhà, sân bê tông và tường rào	2959 ngày 9/9/2022	289,92	289,92	287,10	2,81	2,81					
56	Xây dựng TTHTCĐ thôn Tân Trường, xã Hiền Thành	3585 ngày 26/10/2022	1.100,00	1.100,00	550,00	550,00	550,00					
57	Di tích lịch sử Chi bộ Thượng Lập, xã Vĩnh Long; Hạng mục: Xây mới bia mộ ông Phụng; khuôn viên di tích lịch sử Bến Phà Phúc Lâm.	5482/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	248,29	248,29	198,62	49,67	49,67					
58	Đường giao thông khu phố Phú Thị, thị trấn Hồ Xá	3457/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	458,84	458,84	307,99	150,86	150,86					
59	Khu dân cư khóm 3, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	1359/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	12.600,00	12.600,00	10.527,30	1.296,07	1.296,07					
60	Nâng cấp đường liên thôn Khe Ba - Động Sỏi xã Kim Thạch	2532/QĐ-UBND 25/9/2023	8.684,58	8.684,58	8.550,00	134,58	134,58		87,20	87,20		
61	Nâng cấp, sửa chữa nhà học 2 tầng 6 phòng học, nhà học bộ môn và xây mới nhà vệ sinh giáo viên Trường THCS Hiền Thành	4543/QĐ-UBND 22/12/2022	900,00	900,00	820,59	46,22	46,22					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
62	Nhà văn hoá khu phố Hoà Phú, thị trấn Hồ Xá	1543/QĐ-UBND 08/5/2025	2.450,00	2.450,00	1.715,00	503,74	503,74					
63	Nhà văn hóa khu phố Phú Thị Đông, thị trấn Hồ Xá	4795/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	2.450,00	2.250,00	1.778,44	594,86	594,86					
64	Nhà văn hoá khu phố Vĩnh Tiến, thị trấn Hồ Xá	3578/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	1.680,00	1.680,00	1.586,41	93,59	93,59					
65	Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn Xóm Mội, xã Vĩnh Long	234/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	801,72	801,72	9,12	396,30	396,30					
66	Nhà văn hoá thôn Huỳnh Công Tây	2120/QĐ-UBND 02/8/2022	1.160,00	1.160,00	613,06	546,94	546,94					
67	Nhà văn hóa thôn Minh Phước. xã Vĩnh Sơn	3033/QĐ-UBND 16/9/2022	1.300,00	1.300,00	1.299,18	0,82	0,82					
68	Nhà văn hóa thôn Tân Lập, xã Vĩnh Long	3986/QĐ-UBND 15/11/2022	1.456,68	1.456,68	1.000,00	456,68	456,68					
69	Nhà văn hóa thôn Tây 3, xã Vĩnh Tú	2121/QĐ-UBND 02/8/2022	1.300,00	1.300,00	1.086,04	213,96	213,96					
70	Nhà văn hóa thôn Tiên Mỹ 2, xã Vĩnh Lâm, hạng mục: San nền, xây dựng nhà văn hóa	4262/QĐ-UBND 21/11/2022	2.333,22	2.333,22	2.237,51	95,71	95,71					
71	Nhà văn hóa thôn Thủy Ba Hạ, xã Vĩnh Thủy	2925/QĐ-UBND 08/9/2022	1.800,00	1.800,00	1.037,85	562,15	562,15					
72	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Hệ thống sân vườn và hạng mục phụ trợ	2744/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	14.500,00	14.500,00	12.320,66	2.000,00	-	1.826,26				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
73	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa thôn Chắp Nam, xã Vĩnh Chắp	2899/QĐ-UBND 06/9/2022	298,55	298,55	229,79	68,75	68,75					
74	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa trung tâm, xã Vĩnh Giang	4302/QĐ-UBND 12/12/2022	498,54	498,54	302,46	196,08	196,08					
75	Trung tâm học tập cộng đồng thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành; HM: Nâng cấp sửa chữa nhà học tập cộng đồng và xây mới cổng, tường rào	3369/QĐ-UBND 04/10/2022	693,80	693,80	657,29	36,52	36,52					
76	Trường MN Vĩnh Hòa (Điểm trường trung tâm Thôn Hòa Bình); HM: Nhà 2 tầng 8 phòng học	3352/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.400,00	6.400,00	4.300,00	1.643,76	1.043,76					
77	Trường tiểu học Vĩnh Giang, hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	3939/QĐ-UBND 11/11/2022	1.266,72	1.266,72	800,00	466,72	466,72					
78	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố An Du Nam 2, thị trấn Cửa Tùng	4047/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	241,00	241,00	195,00	45,85	45,85					
79	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Duy Viên, xã Vĩnh Lâm	4048/QĐ-UBND 21/11/2022	49,86	49,86	15,51	34,35	34,35					
80	Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Bình An xã Vĩnh Chắp	351/QĐ-UBND 09/3/2022	296,27	296,27	91,00	205,32	205,32					
81	Xây lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trục đường tỉnh lộ 573b và khu vui chơi giải trí sân vận động trung tâm xã Vĩnh Thủy	2189/QĐ-UBND 11/8/2022	992,60	992,60	742,33	250,27	250,27					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
82	Thưởng công trình cho thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2485 ngày 16/7/2024	150,00	150,00	150,00		-		2,13	2,13		
83	Xây dựng cống và đường qua ruộng Khe Tráng, xã Kim Thạch	2797/QĐ-UBND ngày 13/08/2024	1.150,00	1.150,00	1.150,00		-		1.129,94	1.129,94		
84	Trường tiểu học Quyết Thắng. HM: Nhà 2 tầng 6 phòng học	1962/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	3.600,00	3.600,00	3.324,12		-		201,89	201,89		
85	Nâng cấp khuôn viên trước trụ sở bưu điện huyện và hệ thống điện chiếu sáng đoạn đường từ QL1A đến trụ sở UBND huyện	2660/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	850,00	850,00	841,16		-		65,90	65,90		
86	Sửa chữa nhà văn hóa và làm mới sân bê tông tại 6 thôn, xã Vĩnh Ô	1834/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	2.800,00	2.800,00	2.649,54		-		89,28	89,28		
87	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh tiêu, hồ chứa nước thải khu nuôi tôm xã Hiền Thành	3555/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	4.500,00	4.500,00	4.482,90		-		14,60	14,60		
88	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thị trấn Cửa Tùng (GĐ1)	1610/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	2.496,00	2.496,00	2.347,92		-		12,32	12,32		
89	Nâng cấp đường từ thôn Bàu đến thôn Đông, xã Kim Thạch	1854/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	3.751,81	3.751,81	3.751,81		-		4,64	4,64		
90	Đường liên thôn Nam Cường, xã Trung Nam	1964/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	2.100,00	2.100,00	1.967,00		-		16,31	16,31		
91	Đường bê tông nội thị khu dân cư, thị trấn Cửa Tùng	2036/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	1.600,00	1.600,00	1.561,40		-		84,03	84,03		
92	Đường trung tâm xã Vĩnh Sơn đi thôn Nam Sơn	2179/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	7.000,00	7.000,00	6.774,00		-		25,99	25,99		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
93	Trường tiểu học Kim Thạch (cơ sở 2); Hạng mục: Nhà 02 phòng học, 02 phòng chức năng	1960/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	2.600,00	2.600,00	859,82		-		108,94	108,94		
94	Bê tông hóa đường liên thôn Sa Nam - Sa Bắc, xã Vĩnh Long	2125/QĐ-UBND ngày 02/8/2022	2.800,00	2.800,00	2.772,45		-		51,17	51,17		
95	Nâng cấp đường từ thôn Sơn Hạ đến thôn Vĩnh Mốc, xã Kim Thạch	3034/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	1.900,00	1.900,00	1.869,42		-		93,64	93,64		
96	Trụ sở UBND huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	2346/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	4.800,00	4.800,00	4.737,25		-		147,84	147,84		
97	Trường mầm non Số 2 Trung Nam. Hạng mục: Nhà 3 phòng học + bếp ăn bán trú	2948/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	3.270,00	3.270,00	3.224,42		-		33,27	33,27		
98	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Vĩnh Ô; HM: Nhà 2 tầng 06 phòng học	1958/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	4.200,00	4.200,00	3.561,61		-		361,61	361,61		
99	Xây dựng block vỉa hè đường Quang Trung thị trấn Hồ Xá, đoạn từ ngã tư Trần Phú đến Quốc lộ 1A	1860/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	1.297,00	1.297,00	1.296,92		-		122,72	122,72		
100	Trường mầm non Vĩnh Sơn (cụm Huỳnh Thượng – Tiên An), Hạng mục: Nhà 1 phòng học	4015/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	843,00	843,00	835,76		-		4,63	4,63		
101	Nhà văn hóa thôn Minh Phước, xã Vĩnh Sơn	3033/QĐ-UBND ngày 16/09/2022	1.300,00	1.300,00	1.110,00		-		8,49	8,49		
102	Trường mầm non Vĩnh Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ - 5 phòng làm việc và 01 nhà vệ sinh chung	2142/QĐ-UBND ngày 08/08/2022	1.400,00	1.400,00	1.368,93		-		2,39	2,39		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
103	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mới thôn Nam Sơn khu vực 1, xã Vĩnh Sơn	2367/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	280,00	280,00	258,00		-		1,21	1,21		
104	Nhà văn hóa thôn Tân Thuận, xã Vĩnh Thái	4012/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	800,00	800,00	772,18		-		4,28	4,28		
105	Trụ sở Huyện uỷ Vĩnh Linh, hạng mục: Nâng cấp lát gạch sân, cột cờ, bậc cấp và làm mới mái che nhà Hội trường	2060/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	501,90	501,90	441,90		-		2,12	2,12		
106	Trạm biến áp, đường dây trung áp, đường dây hạ áp lên Xóm 9, thôn Mít, xã Vĩnh Ổ.	4285/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.994,00	1.994,00	1.528,91		-		10,54	10,54		
107	Trường mầm non Bến Quan; hạng mục: Bếp ăn bán trú	2462/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	700,00	700,00	652,33		-		3,94	3,94		
108	Trường mầm non công lập Vĩnh Khê; Hạng mục: Cải tạo cổng, tường rào, xây mới hồ thấm và ống thoát nước bếp ăn, làm máng rửa tay và cải tạo nhà công vụ giáo viên (Điểm Xung Phong)	3426/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	520,00	520,00	505,48		-		7,82	7,82		
109	Trường PTDTBTTH xã Vĩnh Khê; HM: XD HT thoát nước, cải tạo cổng, làm mới giếng khoan, mái che và SBT hai bên nhà ĐN (điểm TT), xây nhà VSGV, hầm thấm bếp ăn BT, cải tạo cổng (điểm Xung Phong)	3675/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	730,00	730,00	723,76		-		3,60	3,60		
110	Xây dựng nhà văn hóa Khóm 4, thị trấn Bến Quan	2244/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	1.420,00	1.420,00	1.391,33		-		71,73	71,73		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán		92.497,39	91.297,39	60.303,75	13.385,86	10.480,99	167,34	4.792,47	4.792,47	2.037,02	
111	Bê boi nhằm mục đích phòng chống đuối nước cho học sinh tại trường Tiểu học Vĩnh Giang	1168/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	987,77	387,77		387,77	387,77					
112	Di tích địa điểm lưu niệm địa đạo đội 7 và đội 11, thôn Hòa Bình xã Vĩnh Hòa	118/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	488,07	488,07	485,51	2,56	2,56					
113	Bê tông hóa đường liên thôn Xung Phong - thôn Mới, xã Vĩnh Khê (giai đoạn 2)	1218/QĐ-UBND ngày 23/04/2025	500,00	500,00		500,00	500,00					
114	Hệ thống đườn điện cao áp tuyến đường tỉnh lộ 573B đoạn Thủy Ba Đông đi Thủy Ba Tây xã Vĩnh Thủy	4144/QĐ-UBND 18/12/2024	1.000,00	400,00	400,00	600,00	600,00					
115	Trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện Vĩnh Linh; hạng mục Tường rào, garage	1759/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	3.470,00	3.470,00	2.874,90		-		50,00	50,00		
116	Công trình cấp nước tập trung thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh	5009/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.054,00	2.054,00	1.985,25		-		60,00	60,00		
117	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh	5011/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.700,00	2.700,00	2.700,00		-		81,78	81,78		
118	Cầu Trạm xã Vĩnh Cháp	5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.500,00	4.500,00	4.500,00		-		28,24	28,24		
119	Trụ sở UBND xã Vĩnh Khê, hạng mục: Xây dựng hàng rào, lát gạch terrazzo sân UBND xã, sửa chữa hư hỏng nhà làm việc 2 tầng, mái hiên trụ sở công an quân sự	2202/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.500,00	1.500,00	1.455,00		-		83,36	83,36		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
120	Trung tâm hành chính xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND	4074/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	5.212,00	5.212,00	4.588,54		-		2.655,94	2.655,94		
121	Thường công trình cho thôn Sa Nam, xã Vĩnh Long đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2224/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	150,00	150,00	150,00		-		7,56	7,56		
122	Thường công trình cho thôn Huỳnh Xá Hạ, xã Vĩnh Sơn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2215/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	200,00	200,00	200,00		-		1,64	1,64		
123	Trường TH & THCS Vĩnh Sơn; hạng mục: Cải tạo, sửa chữa các dãy phòng học, phòng học chức năng, phòng làm việc của giáo viên, văn phòng và làm mới sân, mái che nhà ăn bán trú, nhà bếp	2897/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	1.100,00	1.100,00	1.100,00		-		548,81	548,81		
124	Đổ cấp đá dăm các trục đường thôn Lê Xá, Minh Phước và đường liên thôn Lê Xá đi Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn	3177/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	450,00	450,00	450,00		-		48,76	48,76		
125	Thường công trình cho thôn Hòa Bình, xã Vĩnh Hòa đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	1886/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	150,00	150,00	150,00		-		5,42	5,42		
126	Thường công trình cho thôn Xuân, Động Sỏi, Hắc Hiền, Thủy Bắc xã Kim Thạch đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu năm 2023	2268/QĐ-UBND ngày 27/06/2024	600,00	600,00	600,00		-		27,65	27,65		
127	Trạm y tế xã Vĩnh Thái; Hạng mục: Khuôn viên, tường rào	4029/QĐ - UBND ngày 12/12/2024	300,00	300,00	300,00		-		283,08	283,08		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
128	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái.	3125/QĐ - UBND ngày 23/9/2024	834,00	834,00	834,00		-		6,83	6,83		
129	Nâng cấp khuôn viên TTHTCĐ thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái	3541/QĐ - UBND ngày 29/10/2024	183,54	183,54	183,54		-		11,38	11,38		
130	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm học tập cộng đồng thôn Tân Thuận, thôn Tân Mạch xã Vĩnh Thái.	3977/QĐ - UBND ngày 06/12/2024	427,97	427,97	427,97		-		290,97	290,97		
131	Nâng cấp đường giao thông, điện chiếu sáng và lắp đặt dụng cụ TDTT thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái.	3125/QĐ - UBND ngày 23/9/2024	576,00	576,00	576,00		-		45,09	45,09		
132	Trường mầm non Vĩnh Thái (Điểm trường Đông Luật); hạng mục: Nâng cấp phòng nhân viên và nhà xe	3125/QĐ - UBND ngày 23/9/2024	199,83	199,83	199,83		-		1,64	1,64		
133	Nâng cấp đường giao thông thôn Mạch Nước, xã Vĩnh Thái.	4035/QĐ - UBND ngày 12/12/2024	135,00	135,00	135,00		-		14,36	14,36		
134	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Tân Trại 1 và thôn Cổ Mỹ, xã Vĩnh Giang	2020/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	600,00	600,00	600,00		-		12,07	12,07		
135	Thường công trình cho thôn Di Loan, xã Vĩnh Giang đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2216/QĐ-UBND ngày 21/6/2025	150,00	150,00	6,54		-		6,54	6,54		
136	Công trình thường cho thôn Bình An, xã Vĩnh chấp đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2213/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	150,00	150,00	150,00		-		4,36	4,36		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
137	Thường công trình cho thôn Mỹ Hội , Thôn Thủy trung xã Trung Nam đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2217/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	300,00	300,00	300,00		-		283,17	283,17		
138	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Phúc Lâm xã Vĩnh Long	2403/QĐ-UBND ngày 4/7/2024	600,00	600,00	600,00		-		95,48	95,48		
139	Xây mới sân khấu ngoài trời Trường TH& THCS Trung Nam (Điểm trường Vĩnh Nam)	4287/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	518,09	518,09	262,03	157,97	157,97					
140	Xây dựng hệ thống đường điện cao áp dọc đường tỉnh lộ 573B nối từ cổng chào Thủy Ba Đông đi thôn Đức Xá, xã Vĩnh Thủy	3397/QĐ-UBND;22/11/2023	600,00	600,00	600,00		-		23,00	23,00		
141	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Tân Trại 1, xã Vĩnh Giang	3995/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	1.600,00	1.600,00	238,00	1.362,00	1.362,00					
142	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Tân Trại 1, xã Vĩnh Giang (Hố Mết)	2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	900,00	900,00	270,00	630,00	630,00					
143	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Mũi Lò Vôi, xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	4102/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	14.945,76	14.945,76		67,62	67,62		111,35	111,35		
144	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn thôn Thái Lai	3972/QĐ - UBND ngày 28/12/2023	1.105,00	1.105,00	855,56	249,44	105,00				144,44	
145	Trường mầm non Vĩnh Hòa (Điểm trung tâm); Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp công, tường rào khuôn viên và lát gạch sân terazzo phía trước;	3182/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	600,00	600,00		600,00	600,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
146	Trường mầm non Vĩnh Lâm; Hạng mục: Đường và sân bê tông lát gạch Terrazzo	3252/QĐ-UBND 01/10/2024	250,00	250,00	245,98		-		4,02	4,02		
147	Trung tâm học tập cộng đồng thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái	832/QĐ - UBND ngày 28/3/2025	1.210,00	1.210,00		1.210,00	1.210,00					
148	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà ở dành cho bác sĩ diện thu hút	4052/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.817,34	2.817,34	2.450,00	367,34	-	167,34				
149	TTHT cộng đồng thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp sân, đường vào, bồn hoa và rãnh thoát nước	4218/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	647,82	647,82	274,24	373,58	373,58					
150	Thưởng công trình cho thôn Đơn Duệ, Linh Đơn, xã Vĩnh Hoà đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	2822 (31/10/2023)	297,03	297,03	295,34	1,69	1,69					
151	Thưởng công trình cho thôn Huỳnh Thượng, xã Vĩnh Sơn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1086/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	150,00	150,00		150,00	150,00					
152	Thưởng công trình cho thôn Nam Cường, xã Trung Nam đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1221/ Ngày 23/4/2025	150,00	150,00		150,00	150,00					
153	Thưởng công trình cho thôn Quảng Xá, Tiên Mỹ 2, Lâm Cao, Đặng Xá, Duy Viên, xã Vĩnh Lâm đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1281/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	750,00	750,00		750,00	750,00					
154	Thưởng công trình cho thôn Thái Lai, Tân Hòa, xã Vĩnh Thái đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1074/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	300,00	300,00		300,00	300,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
155	Nhà văn hoá thôn Phường Duyệt, xã Vĩnh Tú	1976/QĐ-UBND ngày 22/7/2022	1.160,00	1.160,00	510,00	650,00	650,00					
156	Cải tạo sân Trường Mầm non Vĩnh Hoà; Xây mới nhà vệ sinh, tường rào, sân TT HTCD thôn Linh Đon, xã Vĩnh Hoà	1619/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	226,67	226,67		226,67	226,67					
157	Bê tông hóa giao thông Thùỵ Ba Đông, Vĩnh Thùỵ	3971/QĐ-UBND ngày 28/12/2024	600,00	600,00		200,00	200,00					
158	Nhà văn hóa khu phố 7; Hạng mục: Cổng hàng rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	4098/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	780,00	780,00	577,60	202,05	202,05					
159	Nhà ở; HM: Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Vĩnh Hà	4394/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	40,00	40,00		40,00	40,00					
160	Nhà ở; HM: Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Vĩnh Khê	836 ngày 31/03/2025	260,00	260,00		260,00	260,00					
161	Đường bê tông nội thôn Đông Luật, xã Vĩnh Thái (Giai đoạn 2)	1827/QĐ-UBND ngày 25/5/2025	216,00	216,00		216,00	216,00					
162	Đường bê tông thôn Cháp Bắc	5248/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	346,17	346,17	145,70	164,93	164,93					
163	Đường bê tông thôn Đông luật, xã Vĩnh Thái	982/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	299,54	299,54		299,54	299,54					
164	Đường bê tông thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái	981/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	369,79	369,79		369,79	369,79					
165	Đường giao thông đập thôn Thúc, xã Vĩnh Ô (giai đoạn 3)	1704/QĐ-UBND ngày 14/4/2025.5	500,00	500,00		500,00	500,00					
166	Cải tạo nâng cấp sân, tường rào và nhà vệ sinh TTHTCD thôn Phúc Đức, xã Hiền Thành	2958 ngày 9/9/2022	400,00	400,00	396,21	3,80	3,80					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
167	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, khoa truyền nhiễm	4599/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	19.000,00	19.000,00	17.931,00		-				521,68	
168	Đường Trung Nam huyện Vĩnh Linh	5007/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.000,00	4.000,00	3.200,00	640,74	-				440,74	
169	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Long; Hạng mục: Nhà đa năng	2508/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.000,00	5.000,00	3.340,00	1.660,00	-				837,80	
170	Trường mầm non Vĩnh Lâm. HM: Nhà 04 phòng học	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	2.940,00	2.940,00	2.760,02	92,36	-				92,36	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		437.344,44	417.094,44	224.804,23	186.228,90	162.379,48	12.431,28	2.303,02	2.303,02	7.795,51	
171	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Long; Hạng mục: Nhà đa năng	2508/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.000,00	5.000,00	3.340,00	1.660,00	-		32,05	32,05		
172	Trường mầm non công lập Vĩnh Ô (điểm trường Bàn 4); Hạng mục: Cổng hàng rào, nhà vệ sinh	3354/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	575,00	575,00	73,07		-		73,07	73,07		
173	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái	1075/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	145.000,00	145.000,00	110.662,80	34.337,20	28.666,55	670,65			5.000,00	
174	Đường GTNT thôn Đông Luật, Thử Luật, xã Vĩnh Thái	2132/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.200,00	1.200,00		1.200,00	1.200,00					
175	Đường bê tông thôn Phan Hiền xã Vĩnh Sơn	1960/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	800,00	800,00		800,00	800,00					
176	Đường bê tông thôn Tân Định, thôn Chắp Lễ, xã Vĩnh Chắp	2044/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	600,00	600,00		600,00	600,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
177	Đường bê tông nội thôn Thùy Tú, thôn Trường Kỳ, thôn Tứ Chính, xã Vĩnh Tú	2134/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	680,00	680,00		680,00	680,00					
178	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông thôn Cù Bạc, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2573/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	22.500,00	2.250,00	507,00	252,00	-		50,08	50,08	252,00	
179	Trường mầm non Cửa Tùng, hạng mục: Nhà 02 tầng 4 phòng học	1914/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	3.600,00	3.600,00	3.600,00		-		1.027,04	1.027,04		
180	Chỉnh trang đô thị thị trấn Bến Quan	176/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	2.000,00	2.000,00	1.939,09		-		21,44	21,44		
181	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Tân An và thôn Tân Mỹ, xã Vĩnh Giang	1085/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	400,00	400,00		400,00	400,00					
182	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 574 đến khu dân cư Hòa Lý 2, TT cửa Tùng	2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	2.500,00	2.500,00	1.102,04	1.397,96	865,59	232,37				
183	Xây dựng hạ tầng khu dân cư khu phố 5, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	5040/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	18.921,14	18.921,14	12.999,18	5.921,14	1.458,09	3.419,53	0,82	0,82	1.043,51	
184	Xây dựng hệ thống điều hành thông tin huyện Vĩnh Linh	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	599,19	599,19		599,19	599,19					
185	Xây dựng kênh Đường Phường và Quan Đụng thôn Tân Mỹ, xã Vĩnh Giang	1489/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	400,00	400,00		400,00	400,00					
186	Xây dựng mới đường bê tông nội thôn Phường Duyệt, xã Vĩnh Tú	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	230,00	230,00		230,00	230,00					
187	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh Lâm	586/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	6.500,00	6.500,00		6.500,00	6.500,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
188	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư vùng Đồng Cát, thôn Nam Phú, xã Trung Nam	2123/QĐ-UBND 02/8/2022	5.000,00	5.000,00	1.500,00	3.500,00	3.500,00		8,00	8,00		
189	Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà văn hóa thôn Thủy Ba Đông, xã Vĩnh Thủy; HM: San nền	NQ 213 11/5/2021	920,35	920,35		920,35	920,35					
190	Trường tiểu học Vĩnh Giang, HM: 6 phòng chức năng	3681/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	4.500,00	4.500,00	700,00	3.800,00	-	2.900,00	475,70	475,70		
191	Trường Tiểu học xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Xây dựng nhà 3 phòng học	286/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	1.900,00	1.900,00	1.600,00	250,00	100,00					
192	Trường THCS Kim Thạch, hạng mục: Nhà 2 tầng 06 phòng học chức năng	2481/QĐ-UBND 18/9/2023	4.300,00	4.300,00	2.000,00	2.300,00	2.300,00					
193	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư Thôn Tây 2, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh	1566/QĐ-UBND 24/6/2022	10.000,00	10.000,00	6.000,00	4.000,00	4.000,00					
194	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Tây 2, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh (giai đoạn 2) Hạng mục: Cắm mốc phục vụ giải phóng mặt bằng, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ thu hồi đất, giao đất và cắm mốc phân lô	4863/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	125,31	125,31	21,04	104,27	-	104,27				
195	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đoạn đường tỉnh lộ ĐT 574 đi Cửa Tùng	175/NQ-HĐND ngày 03/5/2022	28.425,00	28.425,00		28.425,00	28.425,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
196	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố 5, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh (giai đoạn 1) Hạng mục: Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ thu hồi, cắm mốc GPMB, cắm mốc quy hoạch phân lô.	5025/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	170,13	170,13		170,13	-	170,13				
197	Trường mầm non Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; HM: Xây mới bếp ăn bán trú, sân chơi Bàn 8	4106/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700,00	700,00		200,00	-	154,98				
198	Trường mầm non xã Vĩnh Giang; HM: Nhà 2 tầng - 6 phòng học	292/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.000,00	5.000,00	800,00	4.200,00	4.200,00		551,41	551,41		
199	Trường MN Vĩnh Khê (Điểm trường trung tâm). HM: Khu vui chơi cát nước (vườn cổ tích), sân vườn quan sát; nâng cấp 2 phòng học và làm mái che dẫy 2 phòng học, phòng nghệ thuật; tu sửa 02 phòng giáo viên	2646/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	900,00	900,00		900,00	900,00					
200	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố 7, thị trấn Hồ Xá	2180/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	14.400,00	14.400,00		14.400,00	14.400,00					
201	Trường mầm non công lập xã Vĩnh Ô (Điểm trường bản 8); HM: Sửa chữa 2 phòng học + xây mới cổng, hàng rào, nhà vệ sinh	3643/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	902,60	902,60		902,60	902,60					
202	Thường công trình cho thôn Liêm Công Đông, xã Hiền Thành đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1497/QĐ-UBND ngày 7/5/2025	150,00	150,00		150,00	150,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
203	Thường công trình cho thôn Mới, thôn Xung Phong, xã Vĩnh Khê đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	2372/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	200,00	200,00		200,00	200,00					
204	Thường công trình cho thôn Nhà Tài, Phúc Lâm, xã Vĩnh Long đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1187/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	300,00	300,00		300,00	300,00					
205	Thường công trình cho thị trấn Bến Quan đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2023; Hạng mục: Đường giao thông Khóm 2, thị trấn Bến Quan	1976/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	600,00	600,00		570,90	570,90					
206	Thường công trình cho thị trấn Hồ Xá đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2023; Hạng mục: Nâng cấp Kiệt 265 đường Trần Phú và Nhà vệ sinh trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thị trấn Hồ Xá	1556/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	600,00	600,00		600,00	600,00					
207	Thường công trình cho thôn Chắp Lễ, xã Vĩnh Chắp đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1162/QĐ-UBND ngày 18/04/2025	150,00	150,00		150,00	150,00					
208	Trung tâm hành chính xã Kim Thạch; Hạng mục: Hội trường UBND	2199/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	4.000,00	4.000,00	3.300,00	350,00	350,00		63,42	63,42		
209	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thôn Tân Mỹ, đường qua trường tiểu học và nghĩa trang liệt sĩ xã Vĩnh Giang	1855/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	500,00	500,00		500,00	500,00					
210	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	700,00	700,00		700,00	700,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
211	Nhà văn hóa Khu phố Thành Công thị trấn Hồ Xá	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.800,00	1.800,00		1.400,00	1.400,00					
212	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	4029/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	72.500,00	72.500,00	66.000,00	5.000,00	3.500,00				1.500,00	
213	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Mới, đoạn từ lô nhà Ngọc Lành đến ruộng thôn Mới, xã Vĩnh Khê	2056/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	1.102,11	1.102,11		1.102,11	1.102,11					
214	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Mới, đoạn từ lô ông Lý đến ruộng thôn Mới, xã Vĩnh Khê	1961/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	316,00	316,00		289,28	289,28					
215	Bê tông hóa đường nội thôn Tân Trường - Thái Mỹ, xã Hiền Thành	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	473,00	473,00		473,00	473,00					
216	Bê tông hóa đường phía Nam trường tiểu học diêm Hòa Bình, xã Hiền Thành	2057/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	425,00	425,00		425,00	425,00					
217	Bê tông hóa đường sản xuất từ quốc lộ 1A đến khu vực nuôi trồng thủy sản thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành	2372/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	600,00	600,00		600,00	600,00					
218	Bê tông hóa đường sản xuất thôn Xung Phong, đoạn từ lô ông Nam đến lô ông Thương, xã Vĩnh Khê	2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	1.102,11	1.102,11		1.102,11	1.102,11					
219	Cải tạo đường bê tông nội thôn Thôn Tây 3, xã Vĩnh Tú	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	120,00	120,00		120,00	120,00					
220	Cải tạo sửa chữa trường THCS Chu Văn An, xã Vĩnh Thủy	48/NQ-HĐND 10/01/2024	350,00	350,00		350,00	350,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
221	Thường công trình cho thôn Đức Xá, Linh Hải, Thủy Ba Hạ xã Vĩnh Thủy đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.	2537/QĐ-UBND;25/07/2024	450,00	450,00		450,00	-	450,00				
222	Nhà văn hóa Khu phố 1 thị trấn Hồ Xá	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	2.200,00	2.200,00		1.650,00	1.650,00					
223	Nhà văn hóa khu phố 3, thị trấn Hồ Xá	2916/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	1.900,00	1.900,00	500,00	920,00	920,00					
224	Nhà văn hóa khu phố Chợ Huyện, thị trấn Hồ Xá	1410/QĐ-UBND 26/4/2024	1.900,00	1.900,00	700,00	1.080,00	1.080,00					
225	Nâng cấp đường Nguyễn Du, thị trấn Hồ Xá	1943/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	2.330,00	2.330,00		2.330,00	2.330,00					
226	Nâng cấp đường vào Trường mầm non Hoa Phượng thị trấn Hồ Xá	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	280,00	280,00		280,00	280,00					
227	Nâng cấp kênh Đập Trầm, Đập Hà, thôn Bình An, xã Vĩnh Cháp	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	400,00	400,00		400,00	400,00					
228	Nâng cấp kênh Mương Sim, Mương Cát, HTX Huỳnh Xá Hạ, xã Vĩnh Sơn	1490/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	400,00	400,00		400,00	400,00					
229	Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới Kiệt 12, đường Phạm Văn Đồng; Kiệt 14, đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	1.370,00	1.370,00		1.370,00	1.370,00					
230	Nâng cấp sửa chữa đường bê tông, cống thoát nước trên địa bàn thị trấn Cửa Tùng	1617/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	600,00	600,00		600,00	600,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
231	Nâng cấp vỉa hè đường Hai Bà Trưng, thị trấn Hồ Xá	2133/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.000,00	1.000,00		1.000,00	1.000,00					
232	Nâng cấp, sửa chữa kênh vùng Cây Dừa, Ruộng Cạn, HXT Quảng Xá, xã Vĩnh Long	4162/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	650,00	650,00		650,00	650,00					
233	Làm mới đường giao thông thôn Công Ba, xã Vĩnh Hà	1957/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	350,00	350,00		349,16	349,16					
234	Mở rộng đường nội thị An Hoà - An Đức, thị trấn Cửa Tùng	787/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	10.500,00	10.500,00		10.500,00	6.268,05	4.231,95				
235	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Thủy	4116/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.325,00	3.325,00	2.660,00	665,00	-	97,40				
236	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	2448/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	6.000,00	6.000,00	4.800,00	1.200,00	1.200,00					
*	Dự phòng ĐTC năm 2025 (số chưa giao chi tiết)		28.952,52	28.952,52		28.952,52	28.952,52					
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025											
V	Dự án đang dừng thực hiện											
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)			-	-	-			-	-		

HUYỆN HƯỚNG HÓA

Biểu số II.4

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
	TỔNG CỘNG			33.114,03	87.547,65	48.427,54	16.491,63	8.990,37	53.307,473	25.000	3.197,426	2.711,677	
A	Đo đạc địa chính (10%)					7.500,00				2.500			
B	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)					3.750,00				1.250			
C	Các dự án đầu tư (85%)	-	172.864,05	33.114,03	87.547,65	37.177,54	16.491,63	8.990,37	53.307,473	4.427	3.197,426	2.711,677	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán			-	-	-	-	-	-		-	-	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán												
III	Dự án hoàn thành năm 2025		141.837,38	27.918,36	70.251,98	31.981,87	15.691,63	8.190,37	43.280,473		3.197,426	2.711,677	
1	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	80.000,00	8.014,46	20.000,00	8.014,46	-	-	21.479,315	3.064,84	-	-	
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Liên	1439/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.325,40	700,00	3.325,40	700,00	-	-	1.500,000	700,00	-	-	
3	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Lập	1440/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.168,02	657,00	3.168,02	657,00	-	-	1.500,000	657,00	-	-	
4	Tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu dịch vụ - Du lịch nghỉ dưỡng hồ Tân Độ	26/NQ-HĐND ngày 28/11/2024	1.324,00	1.324,00	1.324,00	1.324,00	-	-	1.324,000	1.324,00	-	-	
5	Tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Nghĩa trang nhân dân thị trấn Khe Sanh	34/NQ-HĐND ngày 26/12/2024	1.452,00	1.452,00	1.452,00	1.452,00	-	-	1.452,000	1.452,00	-	-	
6	Đường liên khóm An Hà - Cao Việt, thị trấn Lao Bảo	1042/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.000,00	300,00	1.000,00	1.000,00	-	-	1.000,000	300,00	-	-	
7	Đường giao thông Kiệt Trần Cao Ván - hộ Ông Sơn (Khối 4) - TT Khe Sanh	1450/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	1.200,00	500,00	1.200,00	1.200,00	-	-	1.200,000	500,00	-	-	

8	Nâng cấp, sửa chữa các đỉnh kinh doanh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Khe Sanh	3057/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1.888,93	588,93	1.888,93	588,93	300,00	-	1.588,925	588,93	-	-	
9	Đường vào trụ sở xã Ba Tầng	735/QĐ-UBND 05/3/2024	2.000,00	1.600,00	2.000,00	1.600,00	800,00	800,00	1.200,000	800,00	696,304	696,304	
10	Nhà văn hóa xã Tân Long	Số 3679/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	2.200,00	214,60	714,60	214,60	500,00	-	214,600	214,60	485,749	-	
11	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (Đoạn từ điểm giao đường Bùi Dục Tài đến điểm giao đường Phan Chu Trinh)	2933/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	1.020,00	360,00	1.020,00	360,00	1.020,00	360,00	-	-	360,000	360,000	
12	Đường Ngô Gia Tự, thị trấn Lao Bảo	1011/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	900,00	900,00	900,00	900,00	900,00	900,00	-	-	900,000	900,000	
13	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên	3486/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của huyện HH	10.000,00	3.214,99	8.000,00	3.214,99	8.000,00	2.596,10	-	-	618,884	618,884	
14	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hoá	3975/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện HH	15.400,05	3.670,76	6.300,05	3.534,27	3.534,27	3.534,27	-	-	136,490	136,490	
15	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	676/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	11.000,00	500,00	1.000,00	500,00			1.000,000	500,00			
16	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)	2211/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	5.959,00	3.921,63	5.959,00	3.921,63	137,37		5.821,633	3.921,63			
17	Đường giao thông Kiệt Đinh Tiên Hoàng - hộ Bà Lãi (Khối 3) - TT Khe Sanh	1689/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.000,00	300,00	1.000,00	300,00			1.000,000	300,00			
18	Chợ chuối xã Tân Long	94/NQ-HĐND ngày 21/12/2023; 04/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	11.000,00	2.500,00	10.000,00	2.500,00	500,00		3.000,000	2.500,00			
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025												
V	Dự án đang dừng thực hiện		31.026,67	5.195,67	17.295,67	5.195,67	800,00	800,00	10.027,000	4.427,00	-	-	
1	Sửa chữa trụ sở phòng Tư pháp và phòng Văn hóa và Thông tin huyện	730/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	800,00	800,00	800,00	800,00	800,00	800,00	-	-	-	-	

2	Trụ sở làm việc xã Hướng Linh	4212/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	4.936,00	194,00	494,00	194,00			494,000	194,00			
3	Trụ sở làm việc xã Xy	4216/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	5.386,00	539,00	539,00	539,00			539,000	539,00			
4	Trụ sở làm việc xã Hướng Sơn	4215/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	4.936,00	194,00	494,00	194,00			494,000	194,00			
5	Hội trường Huyện ủy Hướng Hóa	2210/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	14.968,67	3.468,67	14.968,67	3.468,67	-	-	8.500,000	3.500,00	-	-	
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)			-	-	-	-	-	-		-	-	

Biểu số II.5

HUYỆN GIO LINH

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
	TỔNG CỘNG			706.066,75	959.300,70	691.196,06	60.376,96	59.425,68	22.000	5.269,695	9.807,362	28.095,595	
A	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)								1.100	263,485	-	-	
B	Các dự án đầu tư và phân đo đạc (95%)			706.066,75	959.300,70	691.196,06	60.376,96	59.425,68	20.900	5.006,211	9.807,362	28.095,595	
B1	Cấp 10% đo đạc cho nhiệm vụ thường xuyên				-	-	-	-	-	20,000	-	1.396,107	
B2	Phân bổ chi tiết cho các dự án đầu tư			706.066,75	959.300,70	691.196,06	60.376,96	58.925,68	20.400	-	9.807,362	26.547,454	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán			7.810,00	8.600,00	7.810,00	7.810,00	-	-	-	230,818	8,550	
1	Khu rèn luyện TĐTT của HĐND và UBND huyện	4015/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2606/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.050,00	260,00	1.050,00	260,00	260,00	-	-	-	190,579	-	
2	Trung tâm HTCD thôn Long Hải, xã Phong Bình (giai đoạn 2)	3494/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	950,00	950,00	950,00	950,00	950,00	-	-	-	5,415	-	
3	Trung tâm HTCD thôn Đại Đồng Nhất	5062/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.500,00	1.500,00	1.500,00	1.500,00	1.500,00	-	-	-	-	8,550	
4	Trung tâm HTCD thôn Trí Tiến, xã Gio Sơn (giai đoạn 2)	3524/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	2,850	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
5	Trung tâm HTCĐ thôn Đại Đồng Nhất, xã Gio Sơn (giai đoạn 2)	24/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 3491/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	8,604	-	
6	BTH đường ra khu sản xuất thôn Phú Ốc, xã Gio Sơn	3256/QĐ-UBND, ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	2,850	-	
7	BTH đường ra khu sản xuất Trầm Trôi thôn Lạc Sơn, xã Gio Sơn	3495/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	800,00	800,00	800,00	800,00	800,00	-	-	-	4,560	-	
8	Trung tâm học tập cộng đồng thôn Nam Đông, xã Gio Sơn	2940/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.200,00	1.200,00	1.200,00	1.200,00	1.200,00	-	-	-	6,840	-	
9	Trường THCS Gio Sơn (giai đoạn 2)	3525/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	1.100,00	1.100,00	1.100,00	1.100,00	1.100,00	-	-	-	6,270	-	
10	Trường Mầm non Gio Sơn; Hạng mục: Xây mới phòng tin học, phòng ngoại ngữ	27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 3527/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	2,850	-	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			33.254,73	45.854,33	31.696,18	22.129,98	-	-	-	2.795,814	1.227,790	
1	Cộng đồng phòng tránh thiên tai trường tiểu học thị trấn Cửa Việt, Hạng mục: Nhà học bộ môn	1284/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	4.200,00	1.200,00	4.200,00	941,45	937,15	-	-	-	-	-	
2	Phát triển điểm dân cư xã Phong Bình (giai đoạn 1)	3270/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	6.800,00	6.800,00	6.800,00	6.800,00	6.017,73	-	-	-	56,176	138,032	
3	Phát triển điểm dân cư xã Gio Quang	3597/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	6.791,00	6.791,00	6.791,00	6.791,00	5.955,55	-	-	-	49,382	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng Công viên hồ trung tâm thị trấn Gio Linh (giai đoạn 2); Hạng mục: Quảng trường và đường dạo từ Quảng trường đến đường 2-4 trong giai đoạn 2023-2025	3395/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	3.000,00	1.000,00	3.000,00	1.000,00	935,86	-	-	-	19,524	-	
5	Hội trường Huyện ủy Gio Linh	3301/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	3.500,00	2.400,40	2.000,00	1.100,40	2.316,10	-	-	-	-	81,871	
6	Phát triển điểm dân cư khu phố 6 thị trấn Gio Linh(giai đoạn 3)	3403/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	8.112,00	8.112,00	8.112,00	8.112,00	-	-	-	-	-	589,283	
7	Phát triển điểm dân cư xã Gio Việt	4417/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	255,20	255,20	255,20	255,20	-	-	-	-	-	204,096	
8	Phát triển điểm dân cư xã Gio Mai	5278/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	300,35	300,35	300,35	300,35	-	-	-	-	-	214,508	
9	Nhà đa năng trường tiểu học và THCS Trung Sơn	4870/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	2.800,00	2.300,00	2.800,00	2.300,00	2.069,81	-	-	-	30,795	-	
10	Trường THCS thị trấn Gio Linh; Hạng mục: Nhà học bộ môn	4841/QĐ-UBND ngày 29/11/2021; 1874/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	8.900,00	1.400,00	8.900,00	1.400,00	1.202,00	-	-	-	276,064	-	
11	Lập hồ sơ cấp giấy CNQSD đất; cắm mốc GPMB; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ chuyên đề cho 27 di tích lịch sử	4468/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	349,68	349,68	349,68	349,68	349,68	-	-	-	61,793	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
12	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Gio Linh	2780/QĐ-UBND ngày 02/07/2024	2.346,11	2.346,11	2.346,11	2.346,11	2.346,11	-	-	-	2.302,080	-	
III	Dự án hoàn thành năm 2025			51.542,44	150.083,42	51.542,44	24.696,10	41.302,45	4.776,772	-	6.694,314	7.387,394	
1	Nhà Văn hóa huyện Gio Linh	3625/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 4499/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; 370/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	41.921,18	15.796,40	40.921,18	15.796,40	8.647,63	5.779,25	-	-	-	-	
2	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	4641/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 897/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	4.850,00	1.850,00	4.850,00	1.850,00	-	1.500,00	-	-	-	243,438	
3	Trường phổ thông dân tộc nội trú Gio Linh; hạng mục: Xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	4840/QĐ-UBND ngày 29/11/2021; 1873/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	14.500,00	3.000,00	14.500,00	3.000,00	1.500,00	-	-	-	465,176	1.500,000	
4	Trường TH&THCS Trung Sơn, Hạng mục: Nhà học bộ môn	4636/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 418/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	3.000,00	400,00	3.000,00	400,00	-	2.600,00	-	-	-	392,350	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
5	Trường TH&THCS Phong Bình; Hạng mục: Nhà bán trú	4634/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 419/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	1.100,00	100,00	1.100,00	100,00	-	1.000,00	-	-	-	95,289	
6	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gio Linh đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050	3097/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.969,81	969,81	1.969,81	969,81	600,00	-	-	-	-	369,813	
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới xã Gio Hải, huyện Gio Linh	5049/QĐ-UBND ngày 7/12/2021	397,13	232,13	397,13	232,13	-	-	-	-	-	232,127	
8	Giải phóng mặt bằng Khu di tích lịch sử Lăng mộ Cụ Lâm Hoàng	60/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	207,00	207,00	207,00	207,00	150,00	-	-	-	150,000	57,000	
9	Đo đạc, cắm mốc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9 tự nguyện trả lại đất cho nhà nước	128/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	47,50	47,50	47,50	47,50	-	-	-	-	-	47,498	
10	Đo đạc bổ sung bản đồ địa chính, trích đo thửa đất, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất, cấp nhật cơ sở dữ liệu địa chính cho các hộ dân tại thôn Sông Ngăn, xã Linh Trường, huyện Gio Linh	1199/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	221,91	221,91	221,91	221,91	168,13	-	-	-	-	53,774	
11	Nâng cấp các công trình hạ tầng, giao thông kết nối hệ thống giếng cổ xã Gio An, huyện Gio Linh	2673/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.857,75	371,55	1.857,75	371,55	-	678,22	276,772	-	-	94,780	
12	Điều chỉnh mở rộng bãi tắm Cửa Việt thuộc khu dịch vụ - du lịch Cửa Việt (giai đoạn 1)	3395/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 3931/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	6.990,00	3.645,00	6.990,00	3.645,00	3.645,00	-	-	-	1.737,034	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
13	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho 22 hộ dân tại xã Linh Hải	3221/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	2.700,00	2.700,00	2.700,00	2.700,00	890,38	-	-	-	-	-	
14	Phát triển điểm dân cư xã Trung Sơn (giai đoạn 1)	3270/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; 3170/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	9.221,15	9.221,15	9.221,15	9.221,15	7.506,21	-	-	-	4.275,789	-	
15	Đường liên xã Gio An - Linh Trường	1646/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	6.000,00	1.200,00	6.000,00	1.200,00	-	2.800,00	500,00	-	-	533,747	
16	Tuyến đường Gio Phong (xã Phong Bình) - Trung Sơn (giai đoạn 2)	1438/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	5.100,00	1.020,00	5.100,00	1.020,00	-	2.080,00	500,00	-	-	63,889	
17	Nâng cấp mặt đường 76 Đông (đoạn từ cầu Hải Chữ đến đường Trung Giang đi Gio Mỹ)	1648/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	10.800,00	2.160,00	10.800,00	2.160,00	-	5.190,00	1.000,00	-	-	992,865	
18	Đường liên xã Gio Mai - Gio Hải	1454/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	14.500,00	2.900,00	14.500,00	2.900,00	-	10.100	1.000,00	-	-	1.505,677	
19	Đường liên xã Trung Hải - Gio Mỹ (tuyệt nhánh)	1437/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	5.500,00	1.100,00	5.500,00	1.100,00	-	2.400,00	500,00	-	-	320,268	
20	Đường liên xã Gio Sơn - Hải Thái	1435/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	7.000,00	1.400,00	7.000,00	1.400,00	-	3.839,00	500,00	-	-	196,321	
21	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thi chợ Cầu, huyện Gio Linh (giai đoạn 2)	3730/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	5.000,00	1.000,00	5.000,00	1.000,00	-	3.335,99	500,00	-	-	277,310	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
22	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Gio Linh; Hạng mục: Nhà học đào tạo nghề 02 tầng	4869/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	8.200,00	2.000,00	8.200,00	2.000,00	1.588,75	-	-	-	66,315	411,248	
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025			596.173,00	737.476,36	582.860,86	4.602,00	17.623,23	15.623,228	-	86,226	17.923,720	
1	Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh	1905/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 1818/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	80.761,00	30.300,00	55.062,11	25.987,86	3.342,00	9.000,00	7.000,00	-	86,226	8.000,000	
2	Đường giao thông nối Quốc lộ 9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh, huyện Gio Linh	1906/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	80.373,00	22.373,00	70.373,00	22.373,00	-	3.000,00	3.000,00	-	-	-	
3	Nâng cấp đường 73 Đông (cũ), huyện Gio Linh	4843/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	80.000	20.000,00	80.000,00	20.000,00	1.260,00	5.000,00	5.000,00	-	-	9.923,720	
4	Xây dựng bãi rác tập trung huyện	3625/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	14.041,25	13.000,00	14.041,25	4.000,00	-	623,23	623,228	-	-	-	
5	Hạ tầng khu tái định cư tại xã Trung Giang, huyện Gio Linh	2971/QĐ-UBND ngày 01/8/2022; 3710/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	518.000	510.500,00	518.000,00	510.500,00	-	-	-	-	-	-	
V	Dự án đang dừng thực hiện			17.286,59	17.286,59	17.286,59	1.138,88	-	-	-	0,190	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
1	Đo đạc bổ sung bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5.000, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất Lâm Nghiệp; Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính cho các hộ dân tại xã Linh Trường, huyện Gio Linh	3304/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	290,59	290,59	290,59	290,59	7,85	-	-	-	-	-	
2	Nhà văn hóa xã Linh Hải	5052/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	2.000,00	2.000,00	2.000,00	2.000,00	112,56	-	-	-	-	-	
3	Phát triển điểm dân cư xã Trung Hải (giai đoạn 1)	74/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 3300/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	14.996	14.996,00	14.996,00	14.996,00	1.018,48	-	-	-	0,190	-	
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)												
B3	Dự toán còn lại chưa phân bổ chi tiết							500,00	500,00	4.986,211	-	152,034	

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐỘ CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
	TỔNG CỘNG		66.900	29.867	72.500	36.267	32.456,59	19.989,97	11.931	5.000	6.233,005	4.104,005	
A	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)				2.400	2.400	3.050,32	3.050,32	250	250			
B	Đo đạc địa chính (10%)				4.000	4.000			500	500			
C	Các dự án đầu tư (85%)		66.900	29.867	66.100	29.867	29.406,27	16.939,65	11.181	4.250	6.233,005	4.104,005	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		5.800	2.673	5.000	2.673	3.836,97	1.707,97	1.163	965	3.302,000	1.173,000	
1	Sửa chữa Hội trường trung tâm văn hóa huyện	3148/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.000	1.000	1.000	1.000	534,97	534,97	465	465			
2	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Ba Nang	974/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	4.800	1.673	4.000	1.673	3.302,00	1.173,00	698	500	3.302,000	1.173,000	
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025		60.000	26.094	60.000	26.094	25.069,30	14.731,68	9.258	2.525	2.931,005	2.931,005	
1	San tạo mặt bằng để đầu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường T4 thị trấn Krông Klang (giai đoạn 2)	4093/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	15.000	15.000	15.000	15.000	8.154,33	8.154,33	258	258			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
2	Nhà thi đấu đa năng huyện Đakrông	994/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	14.000	2.267	14.000	2.267	5.000,00		9.000	2.267			
3	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruôi, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (Giai đoạn I)	603/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	31.000	8.827	31.000	8.827	11.914,97	6.577,35			2.931,005	2.931,005	
V	Dự án đang dừng thực hiện		1.100	1.100	1.100	1.100	500,00	500,00	600	600	-	-	
1	Trụ sở xã Hướng Hiệp; Hạng mục: Công, hàng rào	3199/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.100	1.100	1.100	1.100	500,00	500,00	600	600			
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)			-	-	-	-	-	160	160	-	-	
1	Đối ứng dự án sử dụng vốn cấp trên, hỗ trợ xã về đích NTM	1295/QĐ-UBND ngày 11/6/2025							160	160			

HUYỆN CAM LỘ

Biểu số II.7

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐỘ CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
	TỔNG CỘNG			499.228	521.426	460.262	126.248,8	111.571,8	113.401,081	100.000	5.174,081	0	0	
A	Đo đạc địa chính (10%)								10.000,000	10.000	0,000			
B	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)								5.000,000	5.000	0,000			
C	Các dự án đầu tư (85%)		3.292.767	499.228	521.426	460.262	126.248,8	111.571,8	98.401,081	85.000	5.174,081	0	0	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán		122.659	115.676	86.879	80.097	26.697,7	24.197,7	7.081,499	6.871	210,084	0	0	
1	Xây dựng CSHT phân lô khu dân cư thôn Phổ Lại, xã Cam An giai đoạn 2 (nay là xã Thanh An)	2205/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	14.999	14.999	444	444	440,9	440,9	2,536	0	2,536	0	0	
2	Xây dựng CSHT khu đô thị phía Đông UBND thị trấn Cam Lộ	2113/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	14.989	14.989	1.717	1.717	1.703,5	1.703,5	13,540	0	13,540	0	0	
3	Xây dựng CSHT khu dân cư phía Tây đường Thanh Niên, xã Cam An (nay là Thanh An)	2114/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	14.995	14.995	14.246	14.246	3.596,7	3.596,7	3,671	0	3,671	0	0	
4	Xây dựng CSHT khu đô thị phía Đông Bắc thị trấn Cam Lộ	2202/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	14.998	14.998	14.998	14.998	853,4	853,4	11,431	0	11,431	0	0	
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường khu phố 4, thị trấn Cam Lộ (đường Trần Phú nối dài)	2115/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	14.950	13.950	9.650	8.650	3.466,5	2.466,5	37,682	0	37,682	0	0	
6	Xây dựng CSHT khu dân cư và hồ sinh thái khu phố 3 thị trấn Cam Lộ (giai đoạn 2)	2514//QĐ-UBND ngày 16/12/2020	14.487	14.487	13.187	13.187	1.523,6	1.523,6	53,707	0	53,707	0	0	
7	Trung tâm VH&HTCD thôn An Trung, xã Cam Chính	88/NQ-HĐND ngày 03/8/2021	950	800	950	800	519,8	519,8	279,000	279	0,000	0	0	
8	Trường MN Bình Minh, xã Cam Chính	29/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 74/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	7.630	2.630	7.630	2.630	2.300,0	1.300,0	538,287	538	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
9	Hệ thống thoát nước, cấp điện và nước khu dân cư Tân Định, xã Cam Thành	2302/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	704	704	213	300	212,6	212,6	87,517	0	87,517	0	0	
10	Hệ thống đường giao thông nông thôn xã Thanh An; Hạng mục: Đường giao thông thôn An Bình	65/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 957/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	1.180	1.062	1.180	1.062	762,0	762,0	300,000	300	0,000	0	0	
11	Hệ thống đường giao thông nông thôn xã Thanh An; Hạng mục: Đường giao thông thôn Phổ Lại, Cam Lộ, An Bình	65/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.017	915	1.017	916	665,5	665,5	250,000	250	0,000	0	0	
12	Đường giao thông xã Cam Chính; Hạng mục: Nâng cấp các tuyến giao thông thôn Mai Trung, xã Cam Chính (Mai Lộc 3 cũ)	2527/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	1.127	1.014	1.014	1.014	650,0	650,0	331,000	331	0,000	0	0	
13	Hệ thống điện sinh hoạt và chiếu sáng xã Cam Chính; HM: Tuyến vào Trạm y tế và Trường MN Bình Minh (diểm mới); Tên đúng: Hệ thống cấp điện và chiếu sáng trung tâm xã Cam Chính	61/NQ-HĐND ngày 01/08/2022	1.065	565	1.065	565	500,0	-	504,000	504	0,000	0	0	
14	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Cam Chính; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa.	70/NQ-HĐND ngày 20/11/2024;	240	240	240	240	-	-	240,000	240	0,000	0	0	
15	Hệ thống công sự trận địa, sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ huyện Cam Lộ	48/NQ-HĐND ngày 31/12/2020	1.826	1.826	1.826	1.826	1.316,8	1.316,8	418,128	418	0,000	0	0	
16	Xây dựng CSHT khu dân cư phía Bắc cầu Sông Hiếu, huyện Cam Lộ (giai đoạn 2)	16/NQ-HĐND ngày 07/5/2021 1259/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	17.502	17.502	17.502	17.502	8.186,3	8.186,3	4.011,000	4.011	0,000	0	0	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán		2.636.655	83.089	92.603	83.091	43.506,5	39.906,5	34.590,717	31.606	2.189,485	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
1	Xây dựng CSHT, phân lô khu dân cư phía Tây đường vào thôn Phan Xá; Hạng mục: Bỏ vỉa và thoát nước	2671a/QĐ-UBND 20/10/2017 2435/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	4.315	4.315	4.315	4.315	3.315,0	3.315,0	669,826	0	669,826	0	0	
2	Đường liên xã Cam Hiếu- TT Cam Lộ	1903/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 1535/QĐ-UBND ngày 19/6/2019	82.006	12.006	12.006	12.006	7.433,3	7.433,3	2.286,355	2.286	0,000	0	0	
3	Trạm Y tế xã Cam Nghĩa	43/NQ-HĐND ngày 24/6/2021	5.000	700	1.000	700	800,0	500,0	148,000	148	0,000	0	0	
4	Trường TH&THCS Cam Nghĩa; HM: Nhà 2 tầng 4 phòng học	38/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 78/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	3.200	1.500	1.500	1.500	1.000,0	1.000,0	492,363	492	0,000	0	0	
5	Trường MN Hòa My: Xây mới cổng, hàng rào tại điểm Cam Phú	50/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	800	650	800	650	400,0	250,0	305,000	305	0,000	0	0	
6	Đường giao thông liên thôn xã Cam Tuyền; Hạng mục: Nâng cấp tuyến giao thông qua thôn Tân Lập	94/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.400	1.400	1.400	1.400	1.150,0	1.150,0	138,402	138	0,000	0	0	
7	Hệ thống xử lý nước thải CCN Cam Thành, huyện Cam Lộ	41/NQ-HĐND ngày 05/7/2021	3.500	500	500	500	-	-	425,114	425	0,000	0	0	
8	Đường vào Nghĩa trang nhân dân thị trấn Cam Lộ	43/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	600	600	600	600	300,0	300,0	292,748	0	292,378	0	0	
9	Cải tạo, nâng cấp nhà bia ghi danh liệt sỹ tại khu phố 1, thị trấn Cam Lộ	114/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.000	900	900	900	400,0	400,0	496,284	0	496,284	0	0	
10	Trung tâm VH&HTCĐ thôn Minh Chính, xã Cam Chính	129/NQ-HĐND ngày 22/12/2021	1.100	950	1.100	950	500,0	500,0	450,000	450	0,000	0	0	
11	Trung tâm VH&HTCĐ thôn Sơn Thanh, xã Cam Chính	57/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.000	900	1.000	900	500,0	500,0	400,000	400	0,000	0	0	
12	Xây dựng ô chôn lấp rác thải tập trung huyện Cam Lộ; Địa điểm: xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	2213/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	2.959	2.959	2.659	2.941	2.200,0	2.200,0	740,972	741	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
13	Nhà thiếu nhi huyện Cam Lộ; Hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc và sân lát gạch	99/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.500	1.500	1.500	1.500	742,0	742,0	758,000	758	0,000	0	0	
14	Các hạng mục phụ trợ tại Chợ Cam Nghĩa	32/NQ-HĐND ngày 10/5/2024	600	600	600	600	352,0	352,0	155,000	155	0,000	0	0	
15	Trung tâm VH&HTCĐ thôn Đoàn Kết, xã Cam Chính	32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	1.250	700	1.250	700	-	-	650,000	650	0,000	0	0	
16	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Mai Trung, xã Cam Chính	30/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.600	1.250	1.250	1.250	-	-	1.109,000	1.109	0,000	0	0	
17	Trường TH&THCS Cam Hiếu; Hạng mục Nhà 02 tầng 06 phòng học chức năng	56/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	5.995	2.995	2.995	2.995	1.500,0	1.500,0	1.308,190	1.308	0,000	0	0	
18	Trường TH Cam Tuyền; HM: Nhà đa năng	42/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	1.948	548	1.948	548	1.400,0	250,0	548,000	298	0,000	0	0	
19	Xây dựng CSHT điểm dân cư Cam Lộ Phường, xã Cam Nghĩa	29/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.550	1.550	1.550	1.550	800,0	800,0	571,000	571	0,000	0	0	
20	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu đô thị phía Nam trung tâm thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	2482/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	2.946	2.946	2.916	2.916	620,3	620,3	2.275,000	2.275	0,000	0	0	
21	Quy hoạch chi tiết 1/500 điểm nông thôn xã Cam Thủy huyện Cam Lộ	2319/QĐ-UBND, ngày 03/10/2024 3295/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện	380	380	380	380	-	-	380,000	380	0,000	0	0	
22	Hệ thống thoát nước và đường vào khu quy hoạch thương mại dịch vụ xã Cam Nghĩa	2344//QĐ-UBND ngày 31/10/2019	878	878	878	878	690,7	690,7	104,000	0	104,000	0	0	
23	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	44/NQ-HĐND ngày 24/6/2021;	7.400	1.100	2.100	1.100	1.000,0	-	201,947	202	0,000	0	0	
24	Trung tâm VHHTCĐ thôn Tân Quang, xã Cam Tuyền	35/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	1.100	850	1.100	850	500,0	500,0	350,000	350	0,000	0	0	
25	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà đa năng và Nhà hiệu bộ	42/NQ-HĐND ngày 24/6/2021	12.000	1.500	2.000	1.500	500,0	500,0	1.186,000	1.000	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
26	Trung tâm VH&HTCĐ thông Mộc Đức, xã Cam Hiếu	105/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.120	1.000	1.120	1.000	800,0	800,0	200,000	200	0,000	0	0	
27	Trung tâm SHVH&HTCĐ thôn Cam Vũ 2, xã Cam Thủy	92/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 72/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.200	1.000	1.200	1.000	500,0	500,0	500,000	500	0,000	0	0	
28	Trung tâm văn hóa & Học tập cộng đồng thôn Lâm Lang 1, xã Cam Thủy	101/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.100	1.000	1.100	1.000	500,0	500,0	500,000	500	0,000	0	0	
29	Trường MN Tuổi Hoa, xã Thanh An	28/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 81/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	11.523	4.023	6.023	4.023	4.254,0	3.254,0	159,000				0	
30	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 DA: Khu dân cư kết hợp văn hóa thể thao và dịch vụ du lịch tổng hợp Khu vực Bàu Ao, xã Thanh An huyện Cam Lộ	737/QĐ-UBND ngày 26/4/2022	1.937	1.937	1.937	1.937	1.700,0	1.700,0	236,000	236	0,000	0	0	
31	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Thương mại - Dịch vụ xã Thanh An	957/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	3.755	3.755	3.755	3.755	2.372,1	2.372,1	842,000	842	0,000	0	0	
32	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Xây dựng khu vực Ngã Tư Sông (khu vực đường An Dương Vương thuộc Khu đô thị Bắc sông Hiếu nối dài đến Quốc Lộ 1A).	2526/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	880	880	880	880	450,0	450,0	430,484	430	0,000	0	0	
33	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Cụm Công nghiệp Cam Hiếu 2	2560/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	1.203	1.003	1.203	1.003	450,0	450,0	725,000	525	0,000	0	0	
34	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Trung tâm hành chính, văn hóa xã Cam Hiếu kết hợp khu dân cư Nam Hiếu và điểm dân cư thôn Vĩnh An xã Cam Hiếu	962/UBND ngày 09/10/2023	567	567	567	567	480,9	480,9	85,726	86	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
35	Quy hoạch chi tiết 1/500 điểm nông thôn xã Cam Chính huyện Cam Lộ	2978/QĐ-UBND, ngày 12/12/2024 3278/QĐ-UBND, ngày 27/12/2024 của UBND huyện	278	278	278	278	-	-	278,000	278	0,000	0	0	
36	Quy hoạch chi tiết 1/500 điểm đô thị, thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	2977/QĐ-UBND, ngày 12/12/2024 3277/QĐ-UBND, ngày 27/12/2024	413	413	413	413	-	-	412,000	412	0,000	0	0	
37	Xây dựng 02 phòng học và các hạng mục phụ trợ tại điểm trường Bản Chùa thuộc Trường mầm non Hoa Phượng, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	05/NQ-HĐND ngày 10/5/2024	1.676	692	1.676	692	-	-	584,566	585	0,000	0	0	
38	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Cam Lộ đến năm 2035 (TMĐT: 2.441 trđ)	2147/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	2.440.979	938	938	938	-	-	936,000	936	0,000			
39	Trung tâm văn hóa & Học tập cộng đồng thôn Kim Đâu, xã Thanh An	103/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.660	1.000	1.660	1.000	566,3	566,3	433,672	434	0,000	0	0	
40	Trung tâm VH&HTCĐ thôn Phở Lại	36/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	1.200	1.000	1.200	1.000	650,0	650,0	350,000	350	0,000	0	0	
41	Trung tâm văn hóa & Học tập cộng đồng thôn Cam Vũ 1, xã Cam Thủy	100/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.200	1.000	1.200	1.000	500,0	500,0	500,000	500	0,000	0	0	
42	Trung tâm văn hóa & học tập cộng đồng thôn Phi Thừa, xã Thanh An	41/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	1.050	950	1.050	1.000	-	-	1.000,000	1.000	0,000	0	0	
43	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng thôn Trúc Kinh, xã Thanh An	581/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	350	350	350	350	-	-	350,000	350	0,000	0	0	
44	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến Kim Đâu - Phú Hậu - Mỹ Xuân xã Thanh An	582/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	1.260	530	530	530	-	-	530,000	530	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
45	Trường TH Cam Tuyền; HM: Phòng học đa chức năng và nhà xe, sân lát gạch tại điểm Bàn Chùa	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	650	650	650	650	300,0	300,0	324,317	324	0,000	0	0	
46	Trường TH&THCS Cam Thủy; HM: Chỉnh trang sân trường	72/NQ-HĐND ngày 20/11/2024	300	300	300	300	-	-	300,000	300	0,000	0	0	
47	Đường GTNT xã Cam Thành; HM: Đường giao thông thôn Quặt Xá	2690/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	851	791	851	791	-	-	791,000	791	0,000	0	0	
48	Đường giao thông nông thôn xã Cam Nghĩa; Hạng mục: Xây mới các tuyến thôn Nghĩa Phong và Định Sơn	2634/QĐ-UBND ngày 07/02/2022	1.030	927	1.030	927	-	-	927,000	927	0,000	0	0	
49	Đường giao thông thôn Trúc Kinh, xã Thanh An	74/NQ-HĐND ngày 20/11/2024	1.215	1.094	1.215	1.094	-	-	1.072,000	1.072	0,000	0	0	
50	Đường giao thông các thôn Mỹ Xuân, Trúc Khê xã Thanh An	78/NQ-HĐND ngày 20/11/2024	1.210	1.089	1.210	1.089	-	-	1.089,000	1.089	0,000	0	0	
51	Đường liên thôn Phú Hậu – Kim Đâu, xã Thanh An	75/NQ-HĐND ngày 20/11/2024	1.200	1.080	1.200	1.080	-	-	1.069,000	1.069	0,000	0	0	
52	Đường giao thông các thôn Phú Ngạn, Cam Lộ xã Thanh An	77/NQ-HĐND ngày 20/11/2024	1.205	1.085	1.205	1.085	-	-	1.076,000	1.076	0,000	0	0	
53	Đường giao thông kiệt 74, đường 2/4, khu phố 4 thị trấn Cam Lộ	76/NQ-HĐND ngày 20/11/2024	174	139	174	139	-	-	139,000	0	139,000	0	0	
54	Đường giao thông kiệt 20, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 8 thị trấn Cam Lộ	71/NQ-HĐND ngày 20/11/2024	1.278	1.278	1.278	1.278	-	-	1.278,000	790	487,997	0	0	
55	Hội trường xã Cam Thủy; Hạng mục: Sân, tường rào, nhà xe	số 111/NQ-HĐND ngày 11/11/2022	1.162	1.162	1.162	1.162	850,0	850,0	277,239	277	0,000	0	0	
56	Nhà văn hóa xã Cam Tuyền (Hội trường xã Cam Tuyền)	số 128/NQ-HĐND ngày 22/12/2021	3.500	3.500	3.500	3.500	2.838,0	2.838,0	598,512	599	0,000	0	0	
57	Trung tâm hành chính xã Cam Thủy; Hạng mục: Hồ điều hòa, đường dạo, điện...	số 122/NQ-HĐND ngày 22/12/2021	3.500	3.500	3.500	3.500	191,9	191,9	156,000	156	0,000	0	0	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		114.269	100.394	103.041	97.006	38.822,4	37.322,4	31.745,459	27.471	2.774,512	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nam Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 07/5/2021	6.380	6.380	6.380	6.380	3.838,3	3.838,3	509,804	0	509,804	0	0	
2	Xây dựng CSHT, phân lô khu dân cư thôn Phở Lại, xã Cam An	QĐ 2775/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	14.894	14.894	13.431	13.431	8.972,0	8.972,0	87,317	0	87,317	0	0	
3	Xây dựng CSHT, phân lô khu dân cư phía Tây đường vào thôn Phan Xá (giai đoạn 1) (HM San nền và phân lô)	2749/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 118/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 884/QĐ ngày 26/4/2025	19.917	19.917	19.917	19.917	11.988,4	11.988,4	4.436,391	3.259	1.177,391	0	0	
4	Hội trường huyện ủy Cam Lộ	39/NQ-HĐND ngày 05/7/2021	14.600	4.100	6.600	4.100	4.785,9	3.285,9	1.814,000	814	0,000	0	0	
5	Trụ sở Huyện ủy Cam Lộ: Hạng mục: Sân vườn và thiết bị	36/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	2.487	2.487	2.487	2.487	-	-	2.487,000	2.487	0,000	0	0	
6	TTVH&HTCĐ thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy	127/NQ-HĐND ngày 22/12/2021	1.100	1.000	1.100	1.000	-	-	1.000,000	1.000	0,000	0	0	
7	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng thôn Tân Xuân 1, xã Cam Thành	08/NQ-HĐND ngày 10/5/2024	1.220	1.000	1.220	1.000	-	-	1.000,000	1.000	0,000	0	0	
8	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng Khu phố 9, thị trấn Cam Lộ	NQ số 39/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	1.250	1.000	1.250	1.000	-	-	1.000,000	500	500,000	0	0	
9	Trung tâm SHVH&HTCĐ khu phố 5, thị trấn Cam Lộ	594/QĐ-UBND ngày 27/3/3035	1.240	1.000	1.240	1.000	-	-	1.000,000	500	500,000	0	0	
10	Hệ thống nước sạch các thôn (Vĩnh An, Nam Hiếu, Vĩnh Đại xã Cam Hiếu	112/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	1.224	724	1.224	724	664,1	664,1	559,000	59	0,000	0	0	
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Phía Tây đường vào thôn Phan Xá Phường	NQ số 86/NQ-HĐND ngày 03/8/2021	14.995	13.231	13.231	13.231	1.456,0	1.456,0	90,874	91	0,000	0	0	
12	Xây dựng CSHT khu dân cư phía Bắc đường Hàm Nghi, thị trấn Cam Lộ (Gai đoạn 2)	145/NQ-HĐND ngày 22/12/2021	1.700	1.700	1.700	1.700	-	-	1.700,000	1.700	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
13	Đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Cam Tuyền; Hạng mục: Đường giao thông tuyến 2 và tuyến 7	11/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	9.930	9.930	9.930	9.930	3.032,6	3.032,6	2.500,000	2.500	0,000	0	0	
14	Đường vào điểm du lịch Khe Đá Bàn, xã Cam Nghĩa	91/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	3.000	3.000	3.000	3.000	950,0	950,0	1.000,000	1.000	0,000	0	0	
15	Trung tâm thể thao huyện Cam Lộ HM: Cầu, kè, đường lan can trên kè	849/QĐ_UBND ngày 5/5/2022 2796/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	3.220	3.220	3.220	3.220	1.680,0	1.680,0	300,000	300	0,000	0	0	
16	Hệ thống thoát nước phần hạ lưu cống qua đường ĐT585	03/NQ-HĐND ngày 10/5/2024	1.200	900	1.200	900	-	-	832,000	832	0,000	0	0	
17	Đường liên thôn Cam Vũ 3 - Thiện Chánh, xã Cam Thủy	07/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 1258/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	1500	1.500	1.500	712			712,000	712	0,000			
18	Đường giao thông khu phố 5 (kiệt 6, đường Cẩn Vương), thị trấn Cam Lộ	01/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 1257/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	1318	1.318	1.318	181			180,000	180	0,000			
19	Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh An, huyện Cam Lộ giai đoạn đến năm 2035	1640/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	371	371	371	371	121,0	121,0	250,000	250	0,000	0	0	
20	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Cụm Thương mại Dịch vụ và Du lịch hồ Đá Mài, xã Cam Tuyền	2545/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	1.637	1.637	1.637	1.637	500,0	500,0	1.128,000	1.128	0,000	0	0	
21	Cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn An Mỹ, xã Cam Tuyền	31/NQ-HĐND ngày 10/5/2024	795	795	795	795	-	-	648,073	648	0,000	0	0	
22	Đường giao thông vào điểm thương mại dịch vụ Bàu Cụt thôn Lâm Lang 1, xã Cam Thủy	49/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	5.000	5.000	5.000	5.000	-	-	4.677,000	4.677	0,000	0	0	
23	Đường nối nhà văn hóa đến sân vận động xã Cam Nghĩa	28/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.790	1.790	1.790	1.790	-	-	1.200,000	1.200	0,000	0	0	
24	Đường vào thôn Bàng Sơn, xã Cam Nghĩa	92/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	3.500	3.500	3.500	3.500	834,1	834,1	2.634,000	2.634	0,000	0	0	
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025		347.340	139.340	167.459	139.340	17.155,7	10.078,7	19.878,000	14.836	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
1	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	23/NQ-HĐND ngày 10/6/2021 07/NQ-HĐND ngày 01/6/2023	171.187	45.645	51.187	45.645	3.000,0	-	3.042,000	1.000	0,000	0	0	
2	Kênh tiêu úng Nam Hùng- Nghĩa Hy (Giai đoạn 2)	131/NQ-HĐND ngày 22/12/2021	6.000	6.000	6.000	6.000	250,0	250,0	1.500,000	1.500	0,000	0	0	
3	Đường Dương Văn An kéo dài	30/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	27.000	6.942	11.000	6.942	4.558,0	1.500,0	3.496,000	2.496	0,000	0	0	
4	Đường vào khu di tích Quốc gia Thành Tân Sở	40/NQ-HĐND ngày 24/6/2022	31.000	20.000	21.000	20.000	-	-	2.000,000	1.000	0,000	0	0	
5	Đường giao thông liên xã TT Cam Lộ- Cam Thành	52/NQ-HĐND ngày 24/6/2021	14.993	3.993	4.993	3.993	1.000,0	1.000,0	2.000,000	1.000	0,000	0	0	
6	Đường Hai Bà Trưng kết nối khu nghỉ dưỡng cao cấp và sân golf khu vực Hồ Nghĩa Hy, thị trấn Cam Lộ	138/NQ-HĐND ngày 22/12/2021	25.000	3.000	4.019	3.000	1.019,0	-	200,000	200	0,000	0	0	
7	Khắc phục, sửa chữa đường An Thái- Bản Chùa xã Cam Tuyền	126/NQ-HĐND ngày 22/ 12/2023	30.000	14.500	30.000	14.500	-	-	2.500,000	2.500	0,000	0	0	
8	Xây dựng CSHT khu dân cư phía Bắc cầu Sông Hiếu (giai đoạn 3)	47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	16.394	16.394	16.394	16.394	479,9	479,9	2.250,000	2.250	0,000	0	0	
9	Xây dựng sơ sở hạ tầng khu phố 4, thị trấn Cam Lộ (giai đoạn 3)	11a/NQ-HĐND ngày 07/5/2021 87/NQ-HĐND Ngày 31/12/2020	14.996	12.096	12.096	12.096	6.848,8	6.848,8	2.000,000	2.000	0,000	0	0	
10	Xây dựng CSHTkhu dân cư xã Thanh An gd2	90/NQ-HĐND ngày 21/11/2022	10.770	10.770	10.770	10.770	-	-	890,000	890	0,000	0	0	
V	Dự án chưa thực hiện		8.044	7.955	8.044	7.955	-	-	2.405,406	1.515	0,000	0	0	
1	Đường GTNT liên thôn Cam Phú- Tân Phú	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 1/8/2022	860	860	860	860	-	-	9,000	9	0,000	0	0	
2	Xây dựng CSHT Khu phố 9, Thị trấn Cam Lộ: Địa điểm Thiết Tràng, Nghĩa Hy cũ	NQ số 26/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.100	1.100	1.100	1.100	-	-	100,000	100	0,000	0	0	
3	Xây dựng CSHT Khu phố 9, Thị trấn Cam Lộ: Địa điểm Thiết Tràng	NQ số 42/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.000	1.000	1.000	1.000	-	-	100,000	100	0,000	0	0	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đấu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
4	Đường giao thông nông thôn xã Cam Nghĩa;HM: Xây mới các tuyến: Bàng Đông, Cu Hoan và Định Sơn	QĐ 2126/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	884	795	884	795	-	-	500,000	500	0,000	0	0	
5	Xây dựng CSHT điểm dân cư thôn Tân Hòa, xã Cam Tuyền; Hạng mục: Cấp điện	13/NQ-HĐND ngày 01/8/2022; QĐ số 2719/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	1.750	1.750	1.750	1.750	-	-	732,769	733	0,000	0	0	
6	Xây dựng CSHT điểm dân cư thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND huyện	2.450	2.450	2.450	2.450	-	-	73,637	74	0,000	0	0	
VI	Phân bổ ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách; vốn chuẩn bị đầu tư								2.700,000	2.700				
VII	Công trình không có trong kế hoạch 2025 nhưng chưa hoàn thành hoặc chưa triển khai		63.800	52.772	63.400	52.772	66,5	66,5	-	0	0,000	0	0	
1	Đường giao thông xã Cam Chính; Hạng mục: Xây mới tuyến giao thông thôn Minh Chính	2593/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	1.145	1.031	1.145	1.031	66,5	66,5	-	0	0,000	0	0	
2	Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Tân Trang, xã Cam Thành (giai đoạn 2)	48/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	3.000	3.000	3.000	3.000	-	-	-	0	0,000	0	0	
3	Nhà trưng bày thành Tân Sở và Phong trào Cần Vương, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ	10/NQ-HĐND ngày 07/5/2021	12.000	5.000	12.000	5.000	-	-	-			0	0	
4	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng thôn Mai Trung, xã Cam Chính	109/NQ-HĐND ngày 22/11/2022	1.200	1.000	1.200	1.000	-	-	-	0	0,000	0	0	
5	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Nam Hiếu- Vĩnh An, xã Cam Hiếu	44/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	1.440	1.440	1.440	1.440	-	-	-	0	0,000	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
6	Trường MN Măng Non, xã Cam Thành; Hạng mục nhà 01 tầng 05 phòng học	50/NQ-HĐND ngày 24/6/2021	4.000	1.000	4.000	1.000	-	-	-			0	0	
7	Trường Mầm non Hoa Hồng, xã Cam Hiếu; Hạng mục: Nhà 02 phòng học	04/NQ-HĐND ngày 10/5/2024	1.750	1.750	1.750	1.750	-	-	-	0	0,000	0	0	
8	Đường giao thông xã Cam Chính; Hạng mục: Nâng cấp các tuyến giao thông thôn An Trung	2475/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	1.173	1.056	1.173	1.056	-	-	-	0	0,000	0	0	
9	Xây dựng hệ thống đường giao thông xã Cam Nghĩa; Hạng mục: Đường giao thông thôn Bàng Sơn và Bàng Sơn 3	2713/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	975	919	975	919	-	-	-			0	0	
10	Hệ thống chiếu sáng đường liên xã Cam Hiếu - Thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ(đoạn qua thị trấn Cam Lộ)	143/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 2935/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	5.100	5.100	5.100	5.100	-	-	-			0	0	
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Tân Hòa, xã Cam Tuyền	13/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	9.385	9.385	9.385	9.385	-	-	-			0	0	
12	Xây dựng CSHT khu dân cư phía Bắc cầu Cam Hiếu, xã Cam Hiếu	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	5.045	5.045	5.045	5.045	-	-	-			0	0	
13	Xây dựng CSHT chỉnh trang KDC Cồn Dưới thôn Nam Hiếu xã Cam Hiếu	38/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	5.440	5.440	5.440	5.440	-	-	-	0	0,000	0	0	
14	Xây dựng CSHT điểm dân cư thôn An Phước, xã Cam Thành	34/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 2699/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	8.365	8.365	8.365	8.365	-	-	-			0	0	
15	Hệ thống phòng cháy chữa cháy Chợ trung tâm huyện Cam Lộ	15/NQ-HĐND ngày 01/8/2022	1.255	855	855	855	-	-	-			0	0	
16	Đường vào khu dân cư Trương-Định - Mọc; Địa điểm: xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	2166/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	540	540	540	540	-	-	-			0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ thu sử dụng đất			Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
										Nguồn thu sử dụng đất năm 2025	Thu sử dụng đất 2024 chuyển sang			
17	Sân nền khu dân cư và dịch vụ xã Cam Thủy	2271/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	847	847	847	847	-	-	-			0	0	
18	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng thôn Cam Phú 3, xã Cam Thành	33/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	1.140	1.000	1.140	1.000	-	-	-	0	0,000	0	0	

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		46.326	23.521	40.267	24.971	6.370	8.420	14.643,0	12.884,0	680	-	
1	Cơ sở hạ tầng Hồ sắc Tứ; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng và đường đi lối lại	1727/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	1.895	1.895	1.895	1.895			594,0	594,0	254		
2	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn Bích la Đông	3629/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	800		800	800	500	500	300,0	300,0			
3	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn An Tiêm	3630/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	700	700	700	700	400	400	300,0	300,0			
4	Đường GTNT thôn An Lộng, xã Triệu Hoà	3368/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.100	1.000	1.000	1.000	500	500	500,0	500,0	426		
5	Kiên cố hóa kênh mương thôn Vân Hòa xã Triệu Hòa	2880/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	350	350	350	350			350,0	350,0			
6	Chợ Triệu Thuận	3674/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	5.000	5.000	5.000	5.000	1.200	1.200	3.800,0	3.800,0			
7	Nhà văn hóa thôn An Xuân, xã Triệu An	3685/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	1.000	1.000	1.000	1.000	500	500	500,0	500,0			
8	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2024	3667/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.000	1.000	1.000	1.000	500	500	500,0	500,0			
9	Kiên cố hóa kênh mương xã Triệu Độ năm 2024	3380/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	1.000	1.000	1.000	1.000	500	500	500,0	500,0			
10	Đường Nguyễn Huệ, thị trấn Ái Tử: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Trần Hữu Dực)	3683/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	2.000	2.000	2.000	2.000	1.320	1.320	679,0	679,0			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
11	Đường giao thông liên thôn Thanh Lê - Đạo Trung, xã Triệu Trung	2237/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	2.200	200	200	200			197,0	197,0			
12	Kế hoạch vốn phân bổ các các công trình dự án đăng ký danh mục trong năm 2025	2705/QĐ-UBND ngày 12/6/2025							1.521,0	1.521,0			
13	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2025	4433/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.000	1.000	1.000	1.000			1.000,0	1.000,0			
14	Đường GTNT xã Triệu Hoà năm 2025	4436/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.000	1.000	1.000	1.000			1.000,0	1.000,0			
15	Nâng cấp đường Trương Văn Hoàn, thị trấn Ái Tử	1387/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	2.000	241	241	241			2.000,0	241,0			
16	Đường Trần Hữu Dực (đoạn từ Nguyễn Du đến Trần Hưng Đạo)	3506/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	3.800	3.800	3.800	3.800			100,0	100,0			
17	Trường Mầm non Triệu Vân; hạng mục: Nhà 02 tầng, 6 phòng học	1108/QĐ-UBND 06/6/2022	4.000	3.050	4.000	3.050	950	3.000	46,0	46,0			
18	Xây dựng phòng học bộ môn Trường TH & THCS Triệu Giang	1257/QĐ-UBND 21/3/2025	2.484	285	285	285			282,0	282,0			Đối ứng vốn tài trợ
19	Nâng cấp đường ĐH46B (Đoạn từ ĐT.578b đến chợ Thuận)	2496/QĐ-UBND; 25/10/2022	14.996		14.996	650			474,0	474,0			
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025		69.115	23.658	69.115	23.658	29.398	9.778	15.130,0	10.430,0	-	-	
1	Đường Hồng Chương, thị trấn Ái Tử	3504/QĐ-UBND ngày 21/12//2022	7.000	7.000	7.000	7.000	678	678	2.000,0	2.000,0			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
2	Đường Trần Phú, thị trấn Ái Tử	2708/QĐ-UBND ngày 07/10/2023	10.500	9.943	10.500	9.943	7.257	6.700	2.115,0	2.115,0			
3	Đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Ái Tử: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ QL1A đến hồ Sặc Tứ)	3682/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	1.790	1.790	1.790	1.790			1.390,0	1.390,0			
4	Cải tạo cảnh quan Hồ Sặc Tứ, thị trấn Ái Tử	3486/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	25.000	2.600	25.000	2.600	6.900	2.400	2.600,0	2.600,0			
5	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	981/QĐ-UBND; 19/4/2023	10.000	1.500	10.000	1.500	3.800		6.200,0	1.500,0			
6	Đường huyện ĐH 43, huyện Triệu Phong	1989/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	14.825	825	14.825	825	10.763		825,0	825,0			
V	Dự án đang dừng thực hiện			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)		1.500	1.500	1.500	1.500	-	-	1.500,0	1.500,0	-	-	
1	Nhà văn hoá Thôn Nam Phước, xã Triệu Phước	3677/QĐ-UBND ngày 30/2/2023	1.500	1.500	1.500	1.500			1.500,0	1.500,0			

Biểu số II.9

HUYỆN HẢI LĂNG

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP ĐỘ CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao vốn đầu tư giá đất huyện	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024 vốn đầu tư giá đất huyện	Lũy kế giải ngân từ 2021 đến hết 2024 nguồn đầu tư giá đất cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 vốn đầu tư giá đất huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đầu tư giá đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư giá đất huyện						
	TỔNG CỘNG		378.159	277.309	277.309	139.057	130.740	110.000	8.069,86	
A	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)							5.500		
B	Các dự án đầu tư và phân đo đạc (95%)		378.159	277.309	277.309	139.057	130.740	104.500	8.069,86	
B1	Cấp 10% đo đạc							11.000	-	
B2	Phân bố chi tiết cho các dự án đầu tư (85%, 10%)		378.159	277.309	277.309	139.057	130.740	93.500	8.069,86	
I	Dự án hoàn thành chưa quyết toán		3.500	2.500	2.500	2.323	2.323	177	-	
1	Trường TH&THCS Hải Ba; hạng mục: Sân bóng đá nhân tạo	838/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	1.500	1.500	1.500	1.423	1.423	77		
2	Trường TH&THCS Hải Sơn; hạng mục: nhà đa năng	842/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	2.000	1.000	1.000	900	900	100		
II	Dự án triển khai dự kiến hoàn thành năm 2025		341.714	251.864	251.864	136.734	128.417	84.178	8.069,86	
1	Trường MN Hải Thượng (KV Đại An Khê)	599/QĐ-UBND ngày ngày 13/9/2021	4.850	650	650	-	-	650		Ngân sách xã Hải thượng 700tr
2	Trường TH&THCS Hải Phú. HM: Phòng chức năng và nhà đa năng	394/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	4.900	300	300	-	-	300		
3	Trung tâm GDNN-GDTX; Hạng mục: Phòng học và phòng thực hành	542/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	2.000	1.500	1.500	500	500	1.000		
4	Hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 1A đoạn qua địa bàn huyện Hải Lăng	05/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	26.728	2.728	2.728	500	500	2.228		
5	CSHT Khu đô thị phía Tây đường Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	547/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	8.500	8.500	8.500	4.157	4.157	4.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao vốn đầu tư giá đất huyện	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024 vốn đầu tư giá đất huyện	Lũy kế giải ngân từ 2021 đến hết 2024 nguồn đầu tư giá đất cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 vốn đầu tư giá đất huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đầu tư giá đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư giá đất huyện						
6	CSHT khu đô thị Xóm Hòa 2, khóm 1 thị trấn Diên Sanh	51/NQ-HĐND, ngày 12/10/2021	21.000	21.000	21.000	6.418	6.418	14.582		
7	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	08b/NQ-HĐND ngày 23/6/2021; 20/NQQ-HĐND ngày 31/10/2024	15.537	500	500	-	-	500		
8	Tuyến ống cấp nước sạch các khu dân cư phía Bắc đường Hùng Vương	561/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	8.000	8.000	8.000	4.005	4.005	3.995		
9	Trung tâm hành chính huyện Hải Lăng	52/NQ-HĐND, ngày 23/12/2020	129.000	97.000	97.000	60.000	52.447	37.000	7.553,35	
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Đập Thanh, thị trấn Hải Lăng	867/QĐ-UBND 28/10/2016; 55/NQ-HĐND ngày 23/12/2020	37.100	30.586	30.586	14.246	14.246	3.800		
11	CSHT Khu đô thị trung tâm hành chính huyện	54/NQ-HĐND, ngày 12/10/2021	72.600	72.600	72.600	38.908	38.908	16.123		
13	Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hải Lăng	781/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	11.500	8.500	8.500	8.000	7.236		516,51	
III	Dự án dừng triển khai		32.945	22.945	22.945	-	-	9.145	-	
1	Cơ quan Đảng, Mặt trận và các Tổ chức chính trị-xã hội huyện Hải Lăng	15/NQ-HĐND, ngày 28/6/2023	32.945	22.945	22.945			9.145		

BIỂU SỐ III
TỔNG HỢP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI CẤP TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2025 (HĐND tỉnh giao)	Trong đó			Vượt thu XSKT năm 2024 (HĐND tỉnh giao)	Ghi chú
			Cân đối theo tiêu chí	Đầu giá đất	XSKT		
	TỔNG CỘNG	46.098	15.838	17.000	13.260	10.214,78	
1	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						
-	Huyện Đakrông	2.348	2.348				Chi tiết danh mục như biểu số III.1
-	Huyện Hướng Hóa	1.490	1.490				Chi tiết danh mục như biểu số III.2
2	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025						
-	Huyện Đakrông	6.000	6.000				Chi tiết danh mục như biểu số III.1
-	Huyện Hướng Hóa	6.000	6.000				Chi tiết danh mục như biểu số III.2
3	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025						
-	Huyện Vĩnh Linh	5.000		5.000			Chi tiết danh mục như biểu số III.3
-	Huyện Gio Linh	10.220		3.000	7.220		Chi tiết danh mục như biểu số III.4
-	Huyện Triệu Phong	7.020		4.000	3.020		Chi tiết danh mục như biểu số III.5
-	Huyện Hải Lăng	8.020		5.000	3.020		Chi tiết danh mục như biểu số III.6
4	Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó						
-	Huyện Đakrông					3.665	Chi tiết danh mục như biểu số III.1
-	Huyện Hướng Hoá					5.748,78	Chi tiết danh mục như biểu số III.2
-	Huyện Vĩnh Linh					801	Chi tiết danh mục như biểu số III.3



DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ CẤP TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN
 (Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số						Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ
	TỔNG CỘNG		101.518	15.337	15.337	3.324	8.348	3.665	
1	Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		87.210	3.672	3.672	1.324	2.348	0	
1.1	Hỗ trợ đất ở								
-	Hỗ trợ đất ở Xã Tà Rụt	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	1.900	80	80		80		
-	Hỗ trợ đất ở cho các xã, thị trấn	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	7.220	304	304	300	4		
1.2	Hỗ trợ nhà ở								
-	Hỗ trợ nhà ở TT Krông Klang	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	2.280	96	96	76	20		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Mò Ó	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	3.135	132	132	60	72		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Hướng Hiệp	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	15.865	668	668	136	532		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Ba Nang	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	5.890	248	248	72	176		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Tà Long	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	7.980	336	336	60	276		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Đakrông	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	7.885	332	332	72	260		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Húc Nghi	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	2.565	108	108	40	68		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã A Vao	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	6.460	272	272	92	180		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Tà Rụt	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	8.930	376	376	184	192		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
-	Hỗ trợ nhà ở Xã A Bung	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	6.935	292	292	120	172		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã A Ngo	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	9.120	384	384	80	304		
-	Hỗ trợ nhà ở Xã Ba Lòng	53/QĐ-UBND ngày 13/1/2025	1.045	44	44	32	12		
2	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025		10.643	8.000	8.000	2.000	6.000		
-	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt Khe Đâu thôn Tà Lang, xã Ba Lòng	654/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.334	1.200	1.200	600	600		
-	Sửa chữa thủy lợi thôn Tà Lang, xã Ba Lòng	667/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.667	1.500	1.500	700	800		
-	Đường nội đồng thôn 5, xã Ba Lòng	618/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	1.888	1.300	1.300	700	600		
-	Sửa chữa trạm y tế xã Mò Ó	164/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	632	600	600		600		
-	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Khe Nhong, xã Mò Ó	171/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	1.000	950	950		950		
-	Trường mầm non Sơn Ca; Hạng mục: Khung bảo vệ nhà 02 tầng (Điểm Phú Thành); Tường rào, mái che, sân (Điểm Đồng Đồng) và mua sắm thiết bị	166/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	685	650	650		650		
-	Nhà văn hóa xã Mò Ó; Hạng mục: Các hạng mục phụ trợ và mua sắm thiết bị	163/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	1.647	100	100		100		
-	Đường nội thôn xóm Khe Lặn, thôn Đồng Đồng, xã Mò Ó (02 tuyến)	170/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	1.053	1.000	1.000		1.000		
-	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Khe Chân, xã Mò Ó	172/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	737	700	700		700		
3	Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó		3.665	3.665	3.665	0	0	3.665	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
-	Trường mầm non Tà Long, điểm trường Chai; Hạng mục: Phòng ở công vụ cho giáo viên	1432/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	530	530	530			530	
-	Trường Tiểu học Tà Long, điểm trường Pa Ngày 1; Hạng mục: Phòng ở công vụ cho giáo viên	1432/QĐ-UBND ngày 16/6/2026	794	794	794			794	
-	Trường Tiểu học Pa Nang, điểm trường Ra Poong; Hạng mục: Phòng ở công vụ giáo viên	1432/QĐ-UBND ngày 16/6/2027	1.017	1.017	1.017			1.017	
-	Trường PTDTBT TH&THCS A Vao, điểm trường Ra Ró; Hạng mục: Phòng ở công vụ cho giáo viên	1432/QĐ-UBND ngày 16/6/2028	794	794	794			794	
-	Trường TH&THCS Húc Nghi, điểm trường Cộp; Hạng mục: Phòng ở công vụ cho giáo viên	1432/QĐ-UBND ngày 16/6/2029	530	530	530			530	

66

HUYỆN HUỐNG HOÁ

Biểu số III.2

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ CẤP TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN
 (Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ				
	TỔNG CỘNG		51.433	19.299	17.749	6.622	7.490	5.748,78
1	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		33.684	1.550	0	622	1.490	0
-	Hỗ trợ đất ở thị trấn Lao Bảo	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	88	4		4		
-	Hỗ trợ đất ở xã Hướng Phùng	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	88	4		2		
-	Hỗ trợ đất ở xã Lìa	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	4.160	208		72		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Thành	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	220	10		4	6	
-	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Long	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	440	20		10	10	
-	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Lao Bảo	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	836	38		20	16	
-	Hỗ trợ nhà ở xã Thanh	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	2.948	134		56	78	
-	Hỗ trợ nhà ở xã Thuận	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	792	36		14	22	
-	Hỗ trợ nhà ở xã Lìa	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	4.708	214		62	152	
-	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Khe Sanh	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	836	38		18	20	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
-	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Tân	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	1.100	50		6	44		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Húc	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	2.200	100		46	54		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Ba Tầng	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	1.892	86		38	48		
-	Hỗ trợ nhà ở xã A Dơi	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	2.772	126		62	64		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Xy	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	1.012	46		22	24		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Lập	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	528	24		10	14		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Lộc	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	2.024	92		46	46		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Linh	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	572	26		10	16		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Phùng	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	1.584	72		28	44		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Sơn	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	3.036	138		56	82		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Việt	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	1.232	56		22	34		
-	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Lập	904/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	616	28		14	14		
-	Chưa phân bổ					0	702		
2	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025		12.000	12.000	12.000	6.000	6.000	0	
-	Đường trung tâm xã đi thôn Thuận 5 xã Thuận	106/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của xã Thuận	1.000	1.000	1.000	500	500		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
-	Đường Thuận Hoà đi Úp lý xã Thuận	3781/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1.000	1.000	1.000	500	500		
-	Trường Mầm non Thuận, hạng mục: Bếp ăn; thư viện; phòng tin học	4740/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	1.000	1.000	1.000	500	500		
-	Trường tiểu học Thuận, hạng mục: Phòng đa chức năng	5070/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	1.000	1.000	1.000	500	500		
-	Đường giao thông liên thôn Doa Cù - Hướng Hải (giai đoạn 3)	132/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 xã Hướng Phùng	1.280	1.280	1.280	1.280			
-	Đường giao thông liên thôn Hướng Hải - Mã Lai Pun (giai đoạn 2)	172/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 xã Hướng Phùng	240	240	240	240			
-	Đường giao thông liên thôn Cheng - Mã Lai Pun (giai đoạn 2)	141/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 xã Hướng Phùng	1.024	1.024	1.024	480	544		
-	Đường giao thông liên thôn Doa Cù - Bụt Việt (giai đoạn 2)	54/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 xã Hướng Phùng	800	800	800	0	800		
-	Đường chính ra khu sản xuất thôn Phùng Lâm (Lên cổng trời giai đoạn 3)	33/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 xã Hướng Phùng	656	656	656	0	656		
-	Đường đi thôn Xa Rường (Giai đoạn 03: Km 0 + 450 - km 0 + 850)	3782/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1.080	1.080	1.080	1.080			
-	Đường giao thông nông thôn Tân Linh (từ nhà ông Sông đến nhà bà Thủy)	390/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 xã Hướng Tân	970	970	970	920	50		
-	Đường nông thôn Trầm (từ nhà ông Kiên đến nhà ông Khá)	24/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 xã Hướng Tân	970	970	970	0	970		
-	Đường ra khu sản xuất tập trung thôn Tân Linh	15/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 xã Hướng Tân	980	980	980	0	980		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
3	Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó		5.749	5.749	5.749	0	0	5.748,78	
-	Trường Mầm non Hướng Lập; Hạng mục: 02 phòng công vụ điểm trường Cù Bai	1884/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	537	537	537	0	0	536,78	
-	Trường Mầm non Hướng Sơn; Hạng mục: 02 phòng công vụ điểm trường thôn Cát	1885/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	530	530	530	0	0	530	
-	Trường Mầm non Xy; Hạng mục: 03 phòng công vụ điểm trường trung tâm	1886/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	794	794	794	0	0	794	
-	Trường Mầm non Hướng Lộc; Hạng mục: 04 phòng công vụ điểm trường Ta Xía	1887/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	1.017	1.017	1.017	0	0	1.017	
-	Trường Mầm non Thanh; Hạng mục: 02 phòng công vụ điểm trường Ba Viêng	1888/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	530	530	530	0	0	530	
-	Trường Tiểu học Thuận; Hạng mục: 04 phòng công vụ điểm trường trung tâm	1889/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	1.017	1.017	1.017	0	0	1.017	
-	Trường Tiểu học Hướng Phùng; Hạng mục: 02 phòng công vụ điểm trường Cheng - Mã Lai	1890/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	530	530	530	0	0	530	
-	Trường Tiểu học và THCS A Dơi; Hạng mục: 03 phòng công vụ điểm trường Prin Thành	1891/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	794	794	794	0	0	794	

Biểu số III.3

HUYỆN VINH LINH

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ CẤP TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ				
	TỔNG CỘNG		11.676	10.801	10.801	5.000	5.000	801
1	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Nguồn Đấu giá đất cấp tỉnh quản lý)		10.875	10.000	10.000	5.000	5.000	0
-	Đường vào xã Vĩnh Cháp	1311/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	5.000	5.000	5.000	4.000	1.000	
-	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Khu vui chơi thể thao	1621/QĐ-UBND ngày 6/5/2024	3.400	2.720	2.720	1.000	1.720	
-	Trường PTDTBT TH Vĩnh Ô (điểm trường bản 8); Hạng mục: Cổng, hàng rào, nhà vệ sinh	554/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	900	855	855		855	
-	Trường mầm non công lập xã Vĩnh Ô (Điểm trường bản 8); Hạng mục: Phòng hiệu bộ, phòng công vụ	856/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	1.000	950	950		950	
-	Trường mầm non công lập Vĩnh Ô (điểm trường Bản 4); Hạng mục: Cổng hàng rào, nhà vệ sinh	3354/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	575	475	475		475	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ				
2	Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó		801	801	801	0	0	801
-	Trường Mầm non công lập xã Vĩnh Hà; Hạng mục: Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó khăn (Điểm trường Khe Trỏ)	2134/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	267	267	267			267
-	Trường Mầm non công lập xã Vĩnh Ô; Hạng mục: Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó khăn (Điểm trường Xà Lờ)	2133/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	267	267	267			267
-	Trường PTDTBT Tiểu học Vĩnh Khê; Hạng mục: Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó khăn (Điểm trường Xung Phong)	2132/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	267	267	267			267



HUYỆN GIO LINH

Biểu số III.4

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ CẤP TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
	TỔNG CỘNG		16.145	13.249	15.774	3.029	10.220	0	
1	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Nguồn Đấu giá đất cấp tỉnh quản lý)		5.525	4.529	5.154	1.529	3.000		
1.1	Đường bê tông thôn Trường Trí, xã Hải Thái	3570/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	1.000	800	1.000	779	21,450		
1.2	Nâng cấp đường khu phố 9 và khu phố 3, thị trấn Gio Linh	3723/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.250	1.000	1.250	90	910		
1.3	Đường giao thông thôn Bình Minh, xã Phong Bình	3571/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	875	700	875	660	40		
1.4	Nâng cấp đường giao thông thôn Vĩnh Tân	2769/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	1.200	1.028,55	1.028,55		1.028,55		
1.5	Nâng cấp đường giao thông thôn Đại Đồng Nhất	2769/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	1.200	1.000	1.000		1.000		
2	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Nguồn Xổ số kiến thiết)		10.620	8.720	10.620	1.500	7.220	0	
2.1	Bê tông hóa giao thông nông thôn xã Gio Hải (các đoạn còn lại)	3608/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.230,467	984,374	1.230,467	80,000	904,374		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
2.2	Đường giao thông nông thôn thôn Gia Môn, xã Phong Bình	3442/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	714,959	571,967	714,959	58,304	513,663		
2.3	Đường giao thông từ khu phố 3 thị trấn Gio Linh đi thôn Lan Đình xã Phong Bình	3492/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	1.085,300	868,240	1.085,300	72,850	795,390		
2.4	Hệ thống rãnh thoát nước thôn Mai Xá, xã Gio Mai	3261/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	1.253,762	1.003,010	1.253,762	77,070	925,940		
2.5	Nâng cấp các công trình hạ tầng, giao thông kết nối hệ thống giếng cổ xã Gio An, huyện Gio Linh	2673/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.857,759	1.486,207	1.857,759	1.084,763	401,444		
2.6	Đường nối từ ĐT576C đến nghĩa địa thôn Lâm Xuân, xã Gio Mai	3438/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	1.692,397	1.353,918	1.692,397	80,000	1.273,918		
2.7	Nâng cấp đường Trương Công Kinh, thị trấn Gio Linh	3442/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	565,355	452,284	565,355	47,013	405,271		
2.8	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa Hồ Lô Mua thôn Hải An, xã Hải Thái	15/NQ-HĐND ngày 24/6/2021	1.110	1.000	1.110	0	1.000		
2.9	Sửa chữa, nâng cấp đập Zaba xã Phong Bình, huyện Gio Linh (giai đoạn 1)	15/NQ-HĐND ngày 24/6/2021	1.110	1.000	1.110	0	1.000		

HUYỆN TRIỆU PHONG

Biểu số III.5



DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ CẤP TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
	TỔNG CỘNG		20.000	14.040	7.020	1.500	7.020	0	
1	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Nguồn Đầu giá đất cấp tỉnh quản lý)		10.000	7.020	4.000	1.500	4.000	0	
-	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	981/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	10.000	7.020	4.000	1.500	4.000		
2	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Nguồn Xổ số kiến thiết)		10.000	7.020	3.020	0	3.020		
-	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	981/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	10.000	7.020	3.020	0	3.020		

(Handwritten signature)

HUYỆN HẢI LĂNG



Biểu số III.6

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ CẤP TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
	TỔNG CỘNG		38.649	12.220	12.220	4.700	8.020	0	
1	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Nguồn Đấu giá đất cấp tỉnh quản lý)		32.574	9.700	9.700	4.700	5.000		
-	Nâng cấp, mở rộng bãi rác tập trung huyện tại thị trấn Diên Sanh	273/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	6.500	6.480	6.480	4.700	1.780		
-	Nâng cấp đường Thị trấn - Bến Mung (ĐH.54)	631/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	8.742	606	606		606		
-	Đường Hải Chánh- Đá bạc (ĐH.59) (Gđ1)	632/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.000	200	200		200		
-	Đường Xuân Lâm- Thượng Nguyên - K4 (ĐH.53)	633/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	3.320	490	490		490		
-	Đường Thị trấn - Bến Mung (ĐH.54) nối dài cao tốc	634/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	2.700	900	900		900		
-	Đường Thượng Xá-Dốc Sơn-Bến Lùng (ĐH.52)	616/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	4.000	524	524		524		
-	Trường Mầm non Hải Quy, Nhà đa năng - giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	553/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND huyện	650	100	100		100		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
-	Trường TH&THCS Hải Ba; Nhà học Thể dục có mái che và các hạng mục phụ trợ	465/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	950	150	150		150		
-	Trường Mầm non Hải Ba, Nhà đa năng - giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	466/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	680	100	100		100		
-	Trường TH&THCS Hải Lâm: Nhà vệ sinh, tường rào, sân và các hạng mục phụ trợ	814/QĐ-UBND ngày 31/08/2023	1.032	150	150		150		
2	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Nguồn Xổ số kiến thiết)		6.075	2.520	2.520	0	3.020		
-	Mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp xã	923/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	500	400	400		400		
-	Trường TH&THCS Hải Hòa; Hạng mục: Xây dựng sân thể thao, nhà để xe giáo viên và các hạng mục liên quan	1108/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	450	360	360		360		
-	Trường TH&THCS Hải Sơn; Hạng mục: Sân bóng đá nhân tạo điểm trường THCS	1101/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.025	820	820		820		
-	Trường TH&THCS Hải Quế; Hạng mục: Nâng cấp sân trường, tường rào và các hạng mục liên quan	1106/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	400	320	320		320		
-	Trường TH&THCS Thiện Thành; Hạng mục: Công tường rào điểm trường tiểu học (thôn Trung Đơn)	923/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	400	320	320		320		
-	Trường Mầm non xã Hải Trường	161/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	2.800	300	300		300		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Vượt thu XSKT năm 2024	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp tỉnh hỗ trợ					
-	Trường TH&THCS Hải Quy; nhà học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	969/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	500				500		